

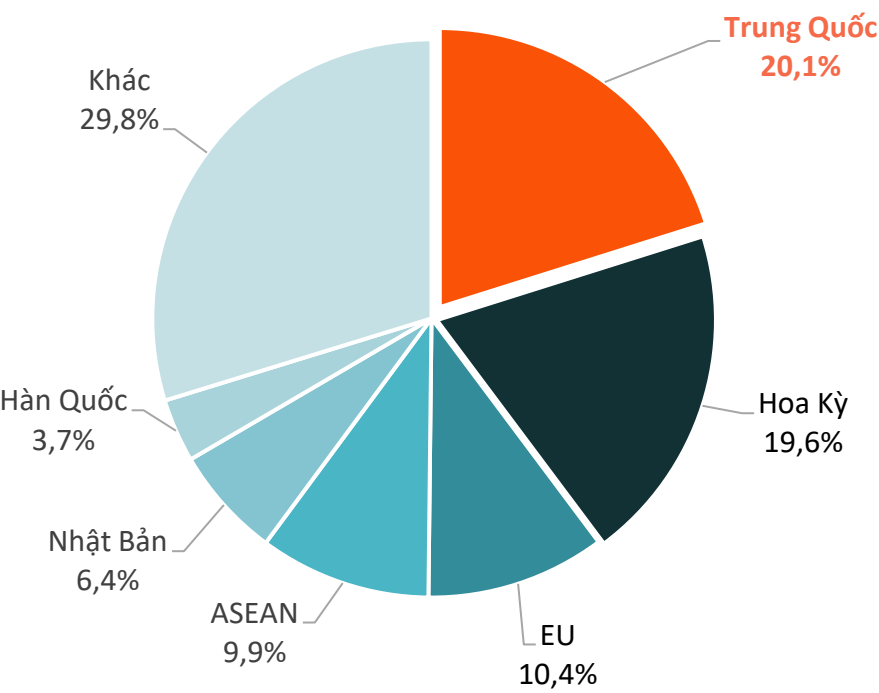
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 4/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc , T4/2026

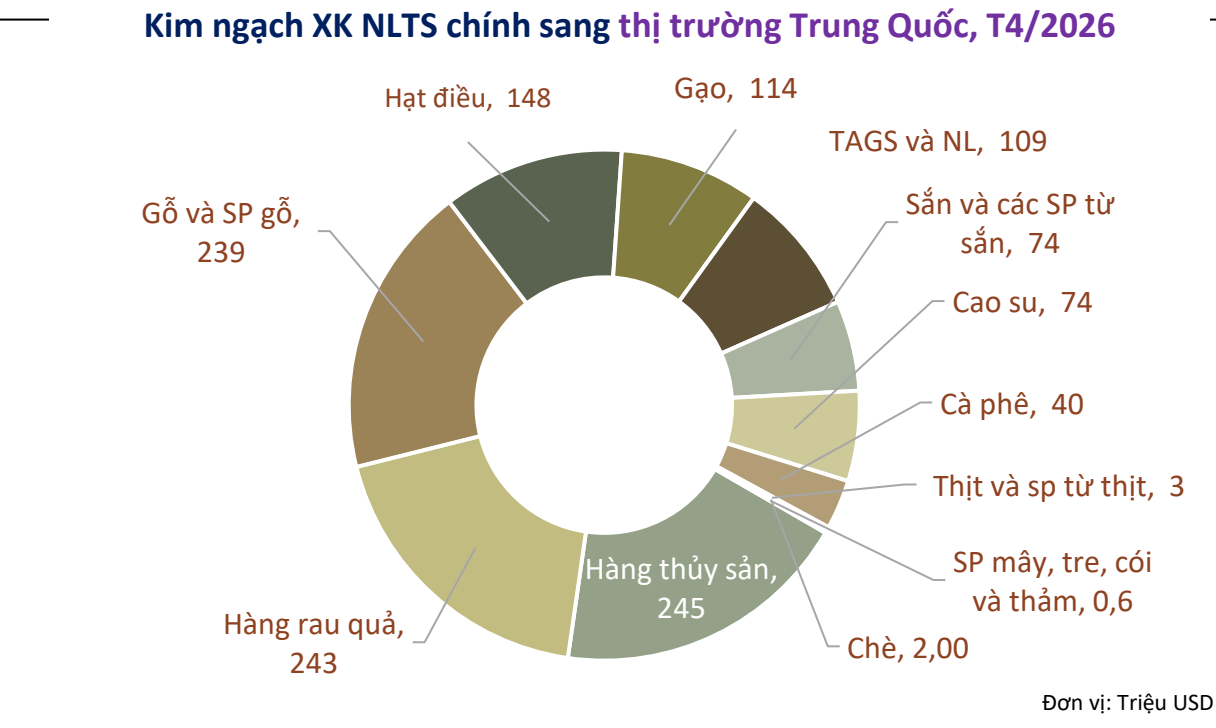
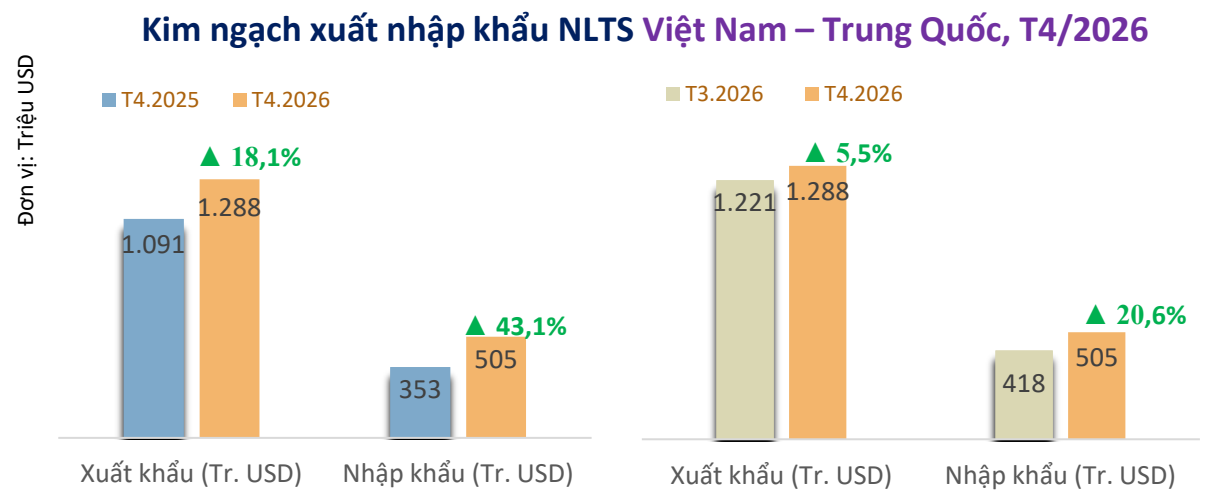


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc T4/2026 so với T3/2026 và T4/2025

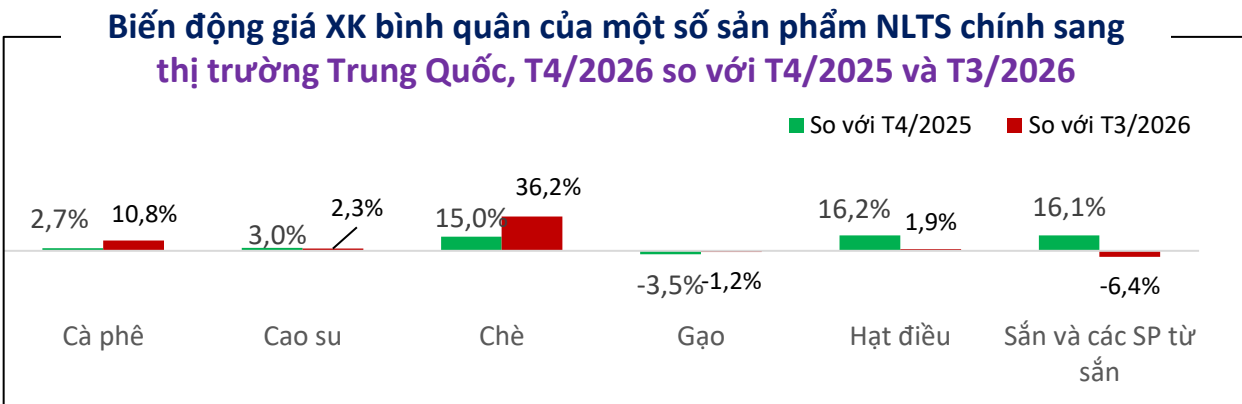
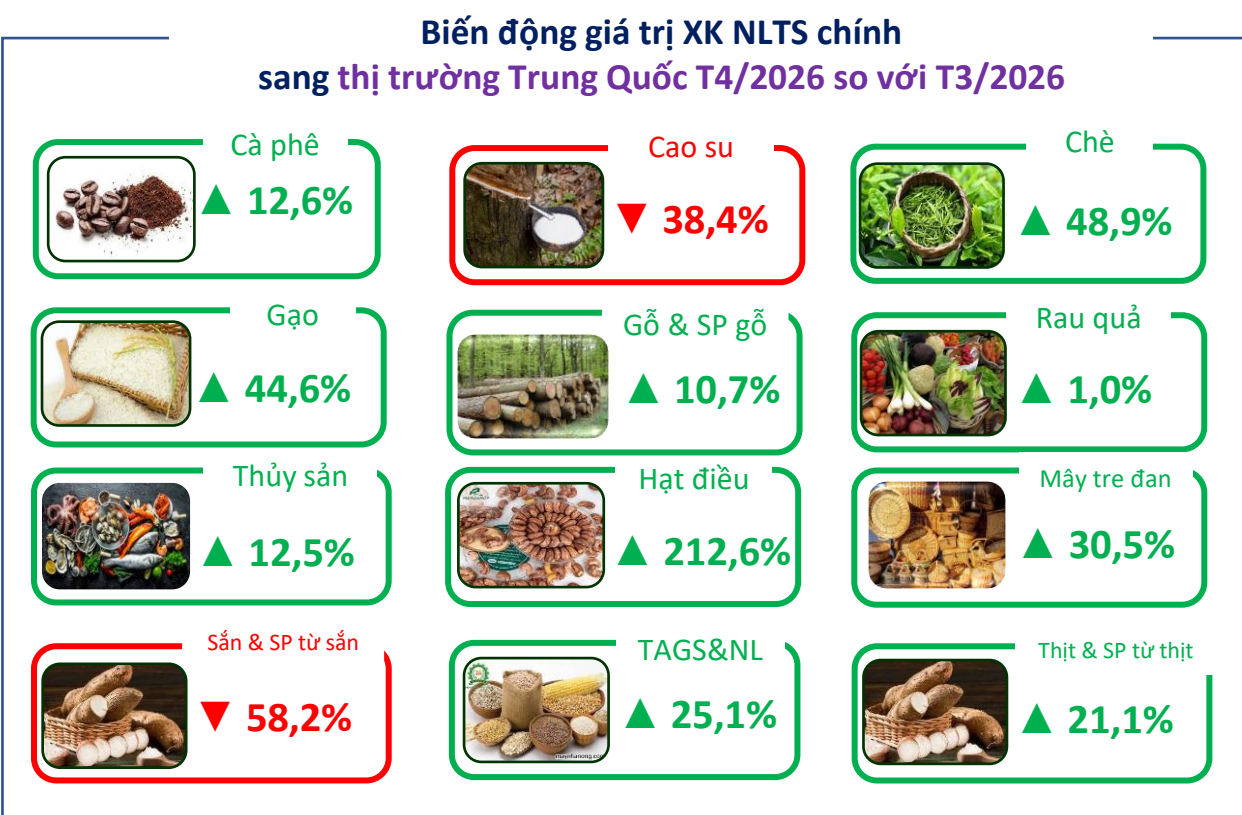
Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T3/2026	So với T4/2025
Trung Quốc	1.288	▲ 0,7%	▲ 2,3%
Hoa Kỳ	1.256	▲ 0,8%	▼ 0,9%
EU	665	▼ 1,5%	▼ 1,6%
ASEAN	636	▼ 0,4%	▲ 0,1%
Nhật Bản	412	▼ 0,4%	▼ 0,3%
Hàn Quốc	235	▲ 0,5%	▲ 0,2%
Tổng XK	6.399		

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 4/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan



Chỉ số PMI phi sản xuất của Trung Quốc tăng lên 50,1 trong tháng 5

Trong tháng 5/2026, khu vực phi sản xuất của Trung Quốc phục hồi nhẹ khi PMI tăng lên 50,1 điểm, cao hơn 0,7 điểm phần trăm so với tháng trước. Lĩnh vực dịch vụ cải thiện rõ hơn với chỉ số hoạt động kinh doanh đạt 50,3 điểm; trong đó vận tải

đường sắt, viễn thông, phát thanh – truyền hình, truyền dẫn vệ tinh và bảo hiểm duy trì mức tăng trưởng nhanh. Chỉ số kỳ vọng kinh doanh của ngành dịch vụ đạt 55,4 điểm, cho thấy niềm tin thị trường tiếp tục được củng cố.

Chỉ số hoạt động ngành xây dựng chỉ đạt 48,8 điểm, nhưng đã cải thiện so với tháng trước. PMI sản xuất đạt 50 điểm và PMI tổng hợp sản lượng tăng lên 50,5

điểm, phản ánh nền kinh tế Trung Quốc ổn định hơn nhưng đà phục hồi còn chậm.



Nguồn: Gov.cn

Trung Quốc cam kết mua ít nhất 17 tỷ USD nông sản của Hoa Kỳ mỗi năm

Sau hội nghị thượng đỉnh giữa Tổng thống Mỹ Donald Trump và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tại Bắc Kinh, Trung Quốc sẽ mua tối thiểu 17 tỷ USD nông sản Hoa Kỳ mỗi năm. Kế hoạch thu mua sẽ được triển khai đến năm 2028, trong đó chỉ tiêu năm 2026 sẽ được áp dụng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian còn lại của năm.

Thỏa thuận này được bổ sung bên cạnh cam kết nhập khẩu tối thiểu 87 triệu tấn đậu nành của Hoa Kỳ. Ngoài ra, Trung Quốc cũng sẽ khôi phục quyền tiếp cận thị trường đối với thịt bò thông qua việc gia hạn danh sách cho hơn 400 cơ sở sản xuất đã hết hiệu lực, đồng thời nối lại nhập khẩu gia cầm. Hai

nhà lãnh đạo cũng nhất trí thành lập Ủy ban Thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc và Ủy ban Đầu tư nhằm điều phối hoạt động thương mại, đầu tư song phương. Tuy nhiên, phía Trung Quốc hiện chưa xác nhận hoặc đưa ra bình luận về thông báo này.



Nguồn: Nongnghiepmoitruong.vn

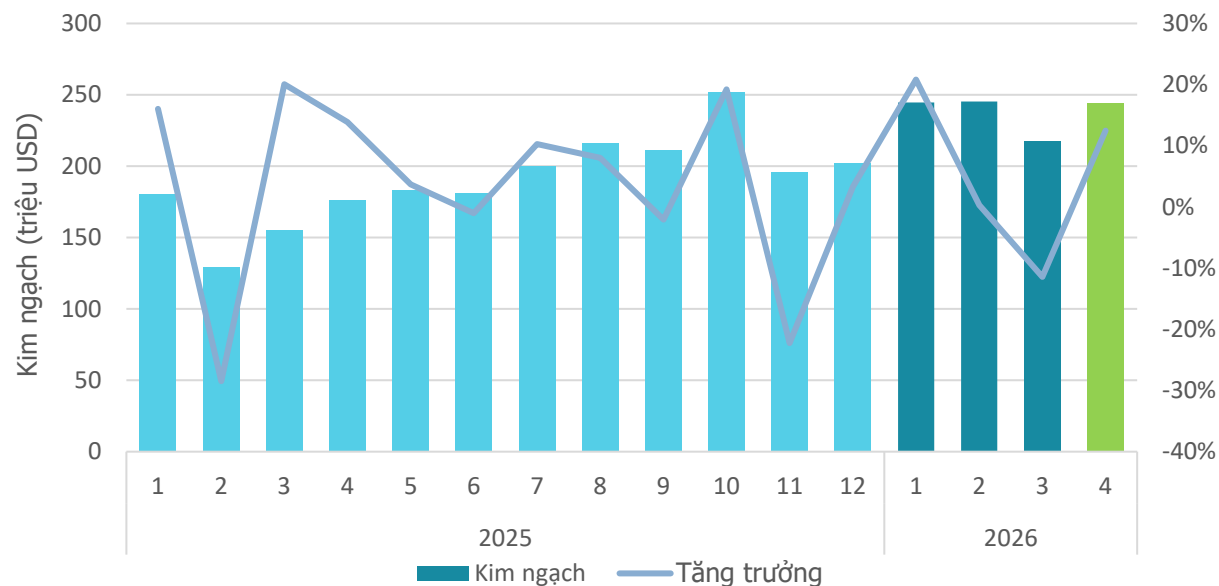


Tin liên quan



THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2026

KIM NGẠCH

244,5 triệu USD



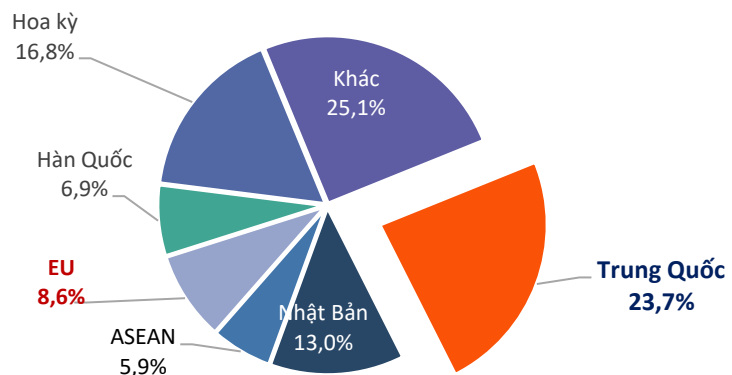
➤ Tăng **12,5%** so với T3/2026

➤ Tăng **38,3%** so với T4/2025

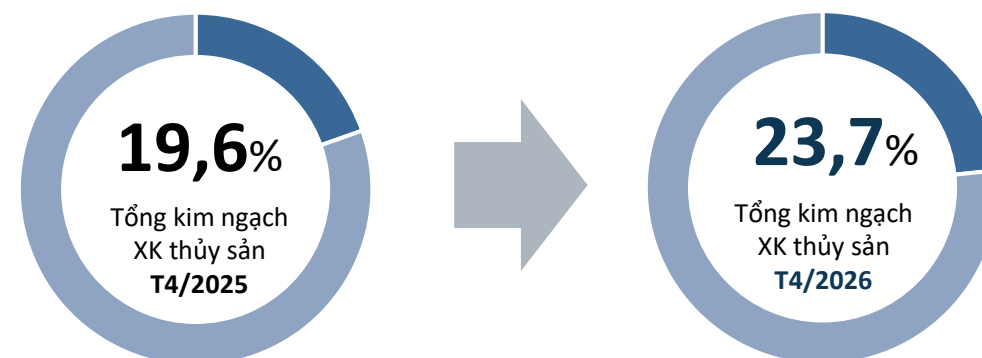
▲ Cao hơn **54,4** triệu USD so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 4 tháng 2026 đạt **951,7** triệu USD, đạt **41,7%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



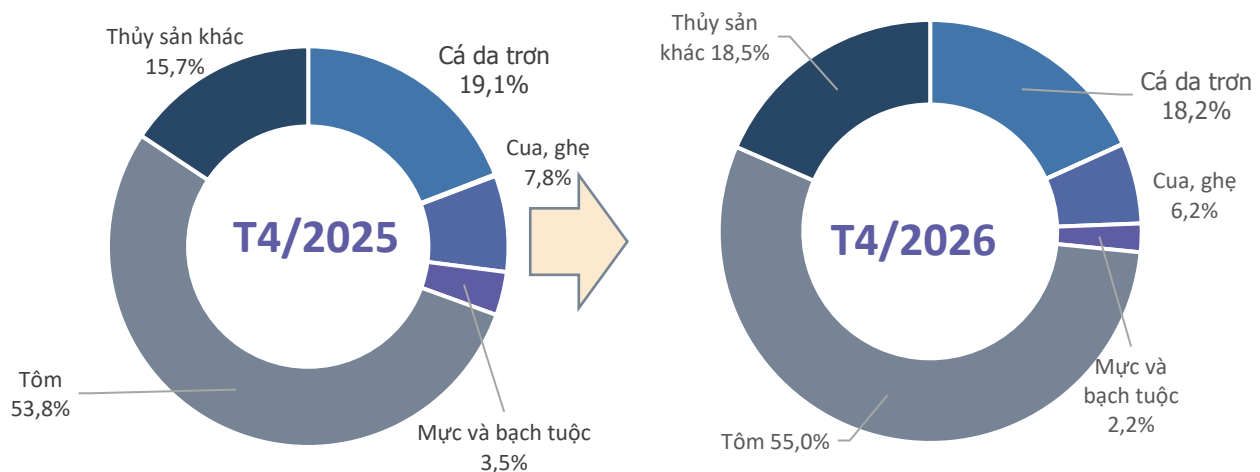
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



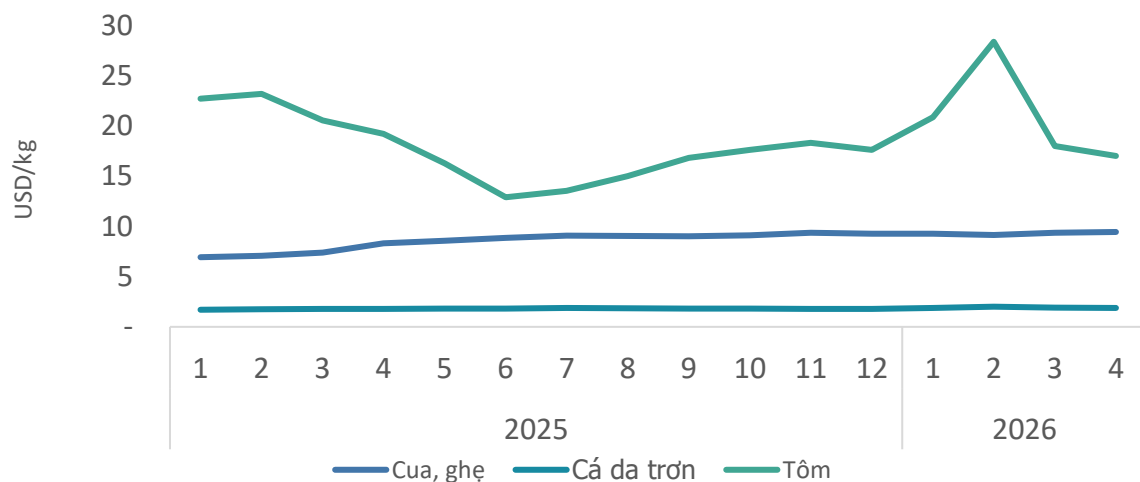


THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Cá da trơn

Kim ngạch: **44,4** Triệu USD
Tăng **5,3%** so với T3/2026
Tăng **31,5%** so với T4/2025



Tôm

Kim ngạch: **133,9** Triệu USD
Tăng **7,4%** so với T3/2026
Tăng **41,2%** so với T4/2025



Cua, ghẹ

Kim ngạch: **15,0** Triệu USD
Tăng **3,2%** so với T3/2026
Tăng **9,4%** so với T4/2025

Cua, ghẹ

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **9,4** USD/kg; **tăng 0,9%** so với tháng trước; và **tăng 13,6%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **1,9** USD/kg; **giảm 1,1%** so với tháng trước; và **tăng 5,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

Tôm

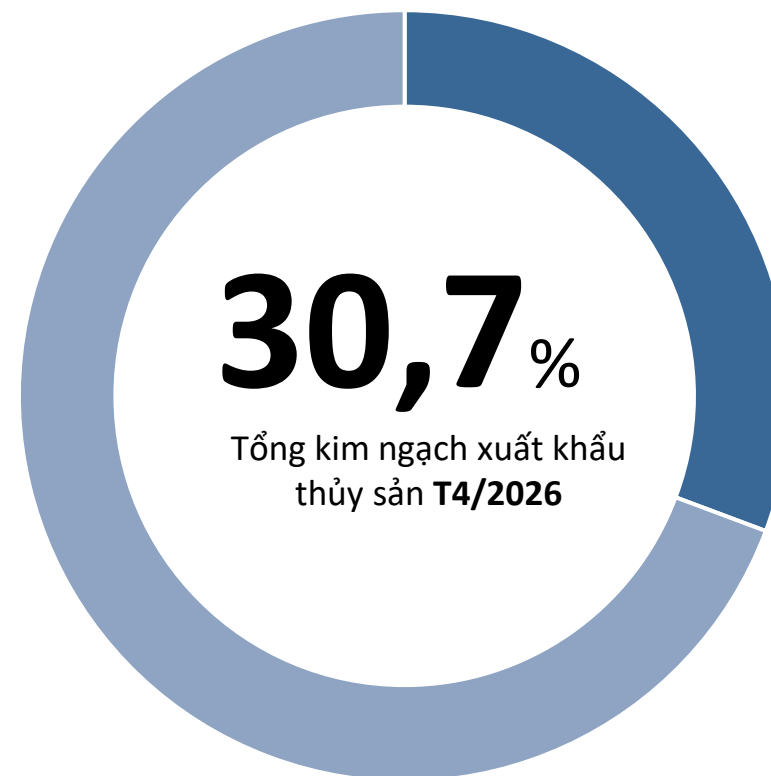
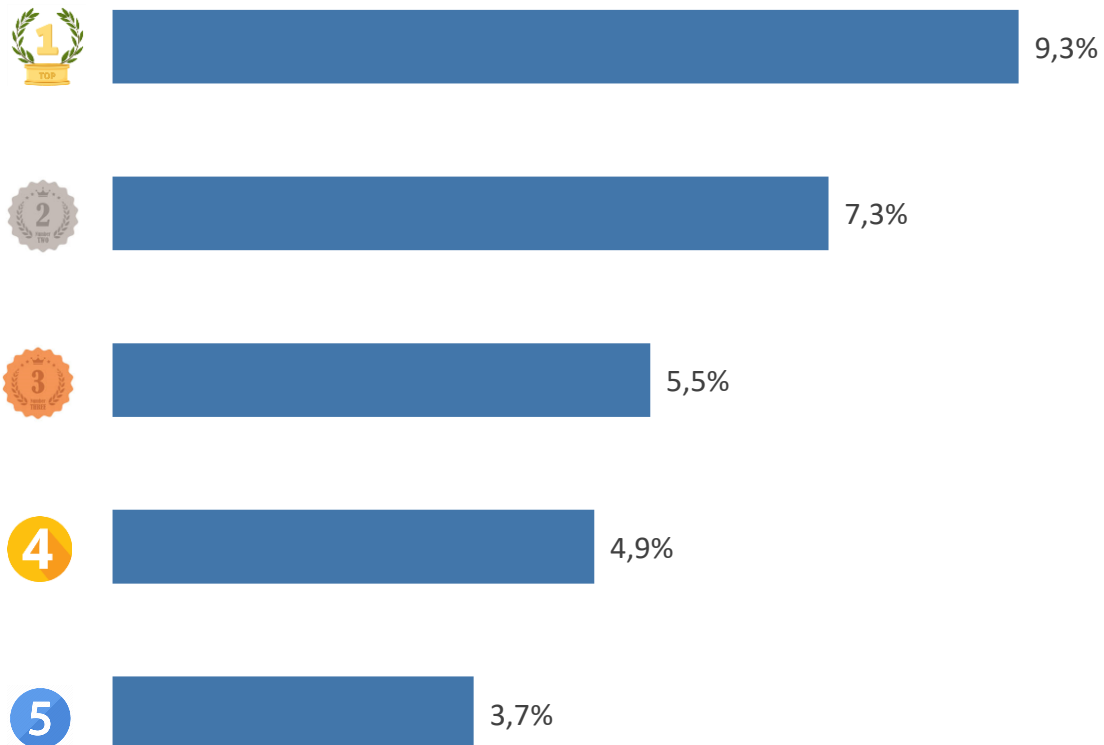
Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **17,0** USD/kg; **giảm 5,5%** so với tháng trước; và **giảm 11,5%** so với cùng kỳ năm 2025.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2026

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Trung Quốc và Việt Nam thả 270 triệu cá giống xuống Vịnh Bắc Bộ

Trung Quốc và Việt Nam đã phối hợp thả 270 triệu cá giống và cá bố mẹ xuống Vịnh Bắc Bộ nhằm tái tạo và tăng cường nguồn lợi thủy sản trong vùng biển chung giữa hai nước. Hoạt động diễn ra tại thành phố biên giới Đông Hưng, thuộc khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc.

Đợt thả giống lần này gồm 7 loài thủy sản, trong đó có cá tráp vây vàng và cá tráp đỏ. Sự kiện được tổ chức trùng với mùa cấm biển kéo dài 3 tháng rưỡi của Trung Quốc, áp dụng từ ngày 1/5 đến 16/8 hằng năm đối với tàu cá nước này trong vùng biển nội địa.

Đây là hoạt động thả giống chung lần thứ 9 giữa hai nước kể từ năm 2017, với tổng cộng hơn 770 triệu cá giống đã được thả. Trung Quốc cũng cho biết sẽ mở rộng chương trình tái tạo nguồn lợi thủy sản tại các vùng biển chung với Triều Tiên và Nga nhằm tăng cường hợp tác quản lý nghề cá.

Nguồn: Fishingnews



Trung Quốc nhập khẩu cá minh thái cao kỷ lục, Nga chiếm gần trọn nguồn cung

Trung Quốc nhập khẩu 146.519 tấn cá minh thái trong tháng 4/2026, trị giá 279 triệu USD để phục vụ nhu cầu chế biến tăng mạnh. Cá minh thái Alaska đông lạnh là mặt hàng nhập khẩu chủ lực, chiếm gần 95% tổng lượng nhập khẩu.

Nga gần như thống lĩnh nguồn cung cá minh thái nhập khẩu cho Trung Quốc, với hơn 135.600 tấn, chiếm 96,9%. Trong khi đó, Hoa Kỳ và Hàn Quốc chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ.

Tỉnh Sơn Đông tiếp tục là trung tâm nhập khẩu và chế biến lớn nhất, chiếm hơn 63% tổng lượng cá minh thái nhập khẩu của Trung Quốc. Hơn một nửa lượng hàng đi qua các khu giám sát hải quan và kho ngoại quan, cho thấy vai trò quan trọng của hệ thống logistics trong chuỗi cung ứng cá minh thái vào thị trường Trung Quốc.

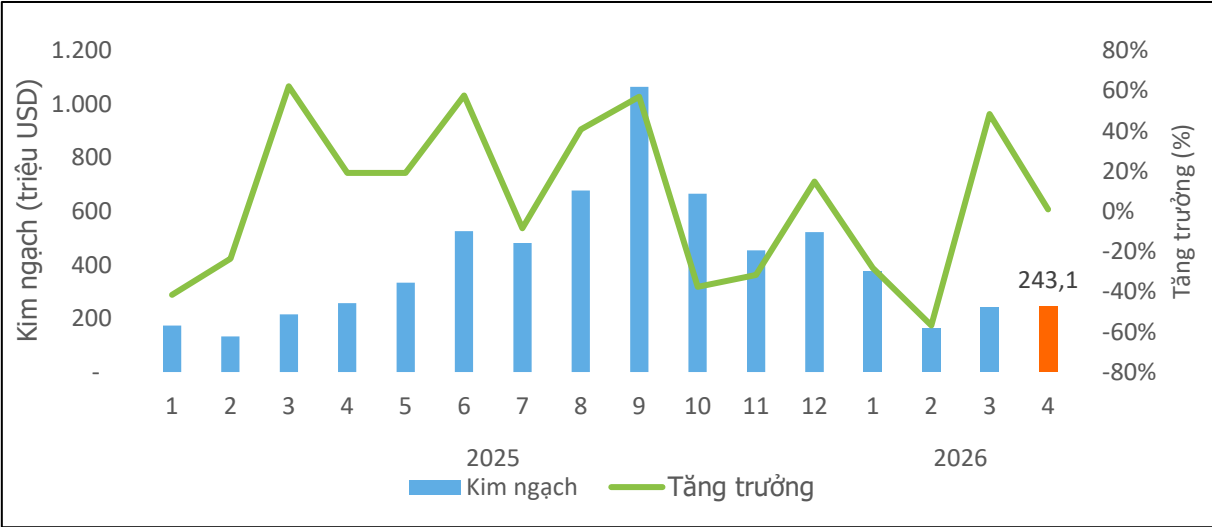
Nguồn: Vasep





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T4/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T4/2026

KIM NGẠCH



243,1

triệu USD

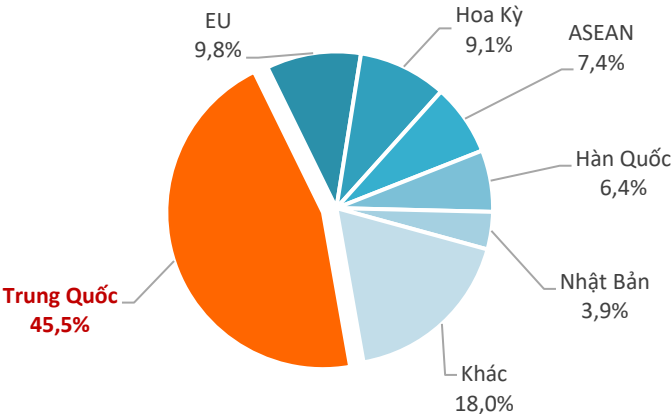
Tăng **1,0%** so với T3/2026

Giảm **5,4%** so với T4/2025

Thấp hơn **215,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 4 tháng năm 2026 đạt **1,0** tỷ USD, đạt **18,5%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T4/2026



Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T4/2026

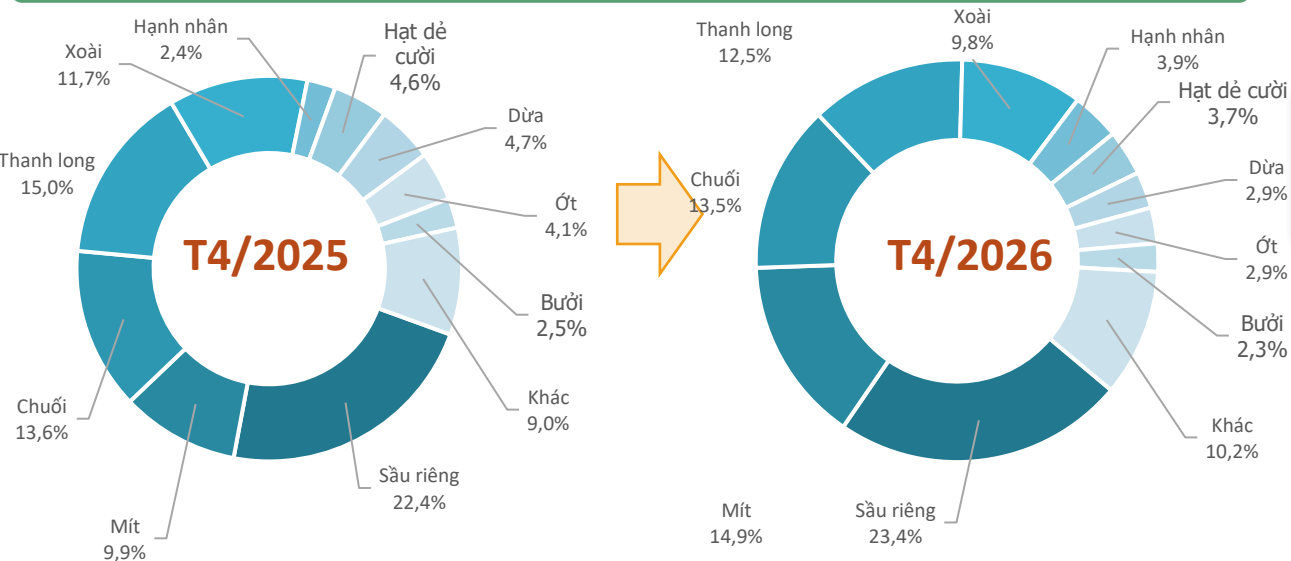


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T4/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T4/2026



Sầu riêng

Kim ngạch: **57,0** triệu USD
Giảm **13,1%** so với T3/2026
Giảm **1,0%** so với T4/2025



Mít

Kim ngạch: **36,2** triệu USD
Tăng **101,0%** so với T3/2026
Tăng **42,0%** so với T4/2025



Chuối

Kim ngạch: **32,7** triệu USD
Giảm **1,8%** so với T3/2026
Giảm **6,4%** so với T4/2025



Thanh long

Kim ngạch: **30,4** triệu USD
Giảm **18,5%** so với T3/2026
Giảm **21,4%** so với T4/2025



Xoài

Kim ngạch: **23,9** triệu USD
Giảm **19,8%** so với T3/2026
Giảm **20,4%** so với T4/2025



Hạnh nhân

Kim ngạch: **9,4** triệu USD
Tăng **156,2%** so với T3/2026
Tăng **53,5%** so với T4/2025



Hạt dẻ cười

Kim ngạch: **8,9** triệu USD
Giảm **28,4%** so với T3/2026
Giảm **24,9%** so với T4/2025



Dừa

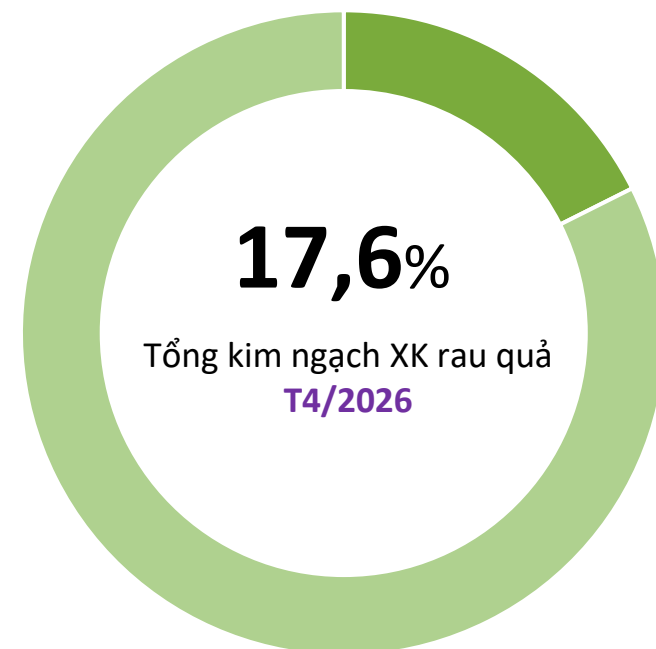
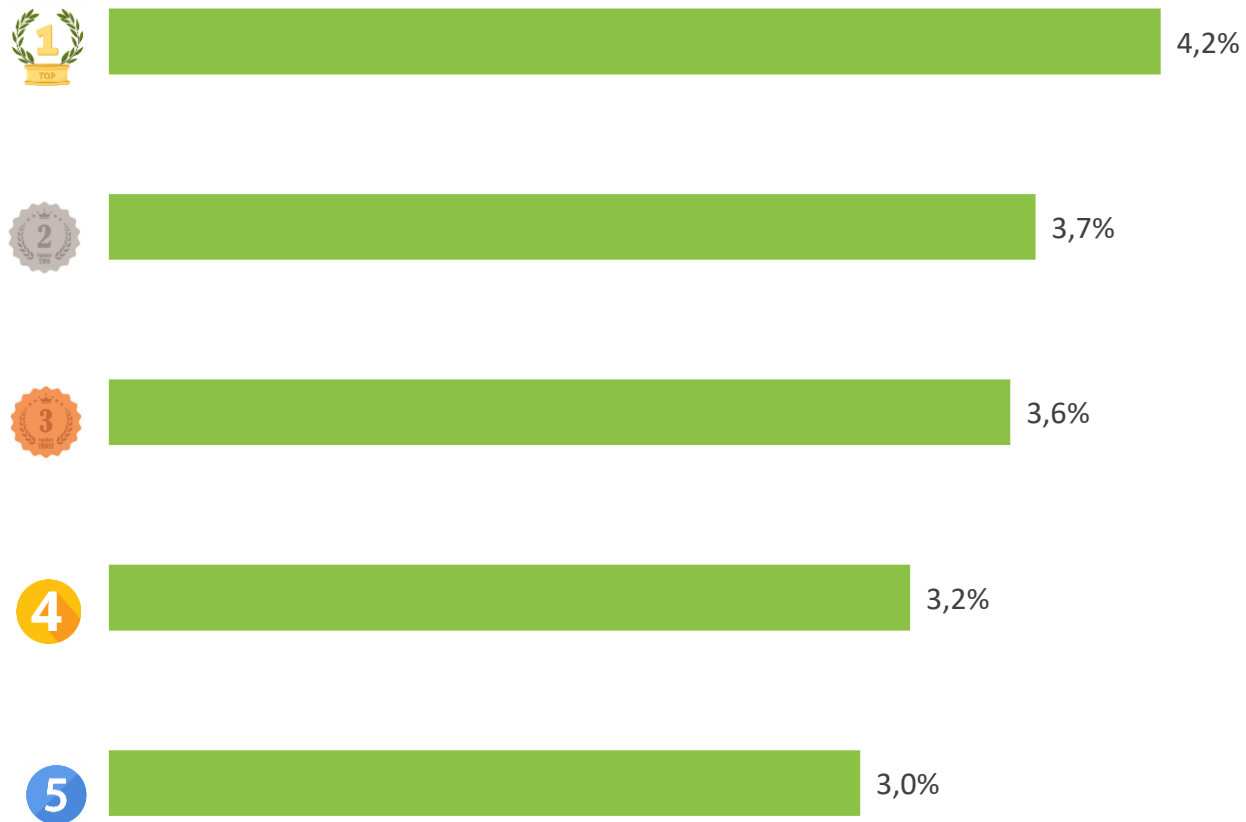
Kim ngạch: **7,2** triệu USD
Giảm **27,5%** so với T3/2026
Giảm **41,1%** so với T4/2025



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang **Trung Quốc, T4/2026**

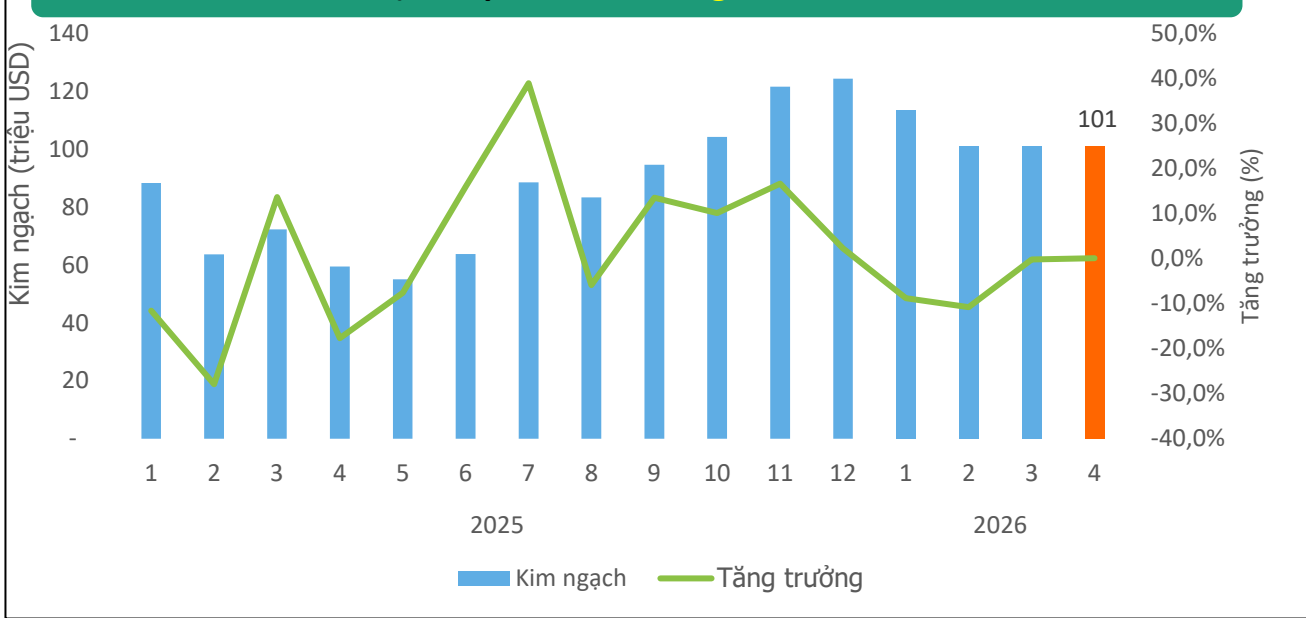
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang **Trung Quốc, T4/2026**





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T4/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T4/2026

KIM NGẠCH



101,0

triệu USD

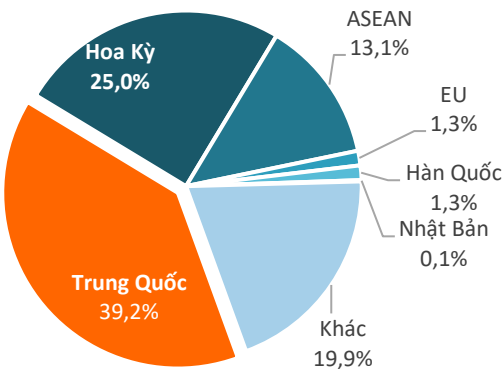
Tăng **0,1%** so với T3/2026

Tăng **69,8%** so với T4/2025

Cao hơn **16,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 4 tháng năm 2026 đạt **415,9** triệu USD, đạt **40,8%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T4/2026



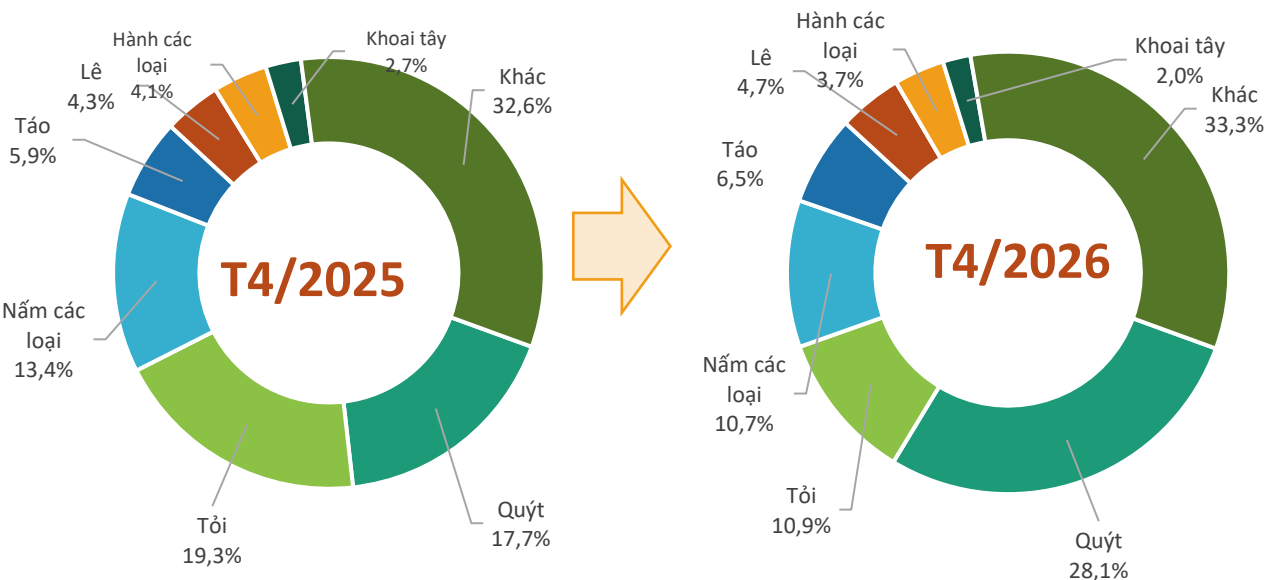
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T4/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T4/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T4/2026



Quýt

Kim ngạch: **28,4** triệu USD
Tăng **18,7%** so với T3/2026
Tăng **170,5%** so với T4/2025



Tỏi

Kim ngạch: **11,0** triệu USD
Giảm **18,5%** so với T3/2026
Giảm **4,3%** so với T4/2025



Nấm các loại

Kim ngạch: **10,8** triệu USD
Giảm **13,8%** so với T3/2026
Tăng **35,8%** so với T4/2025



Táo

Kim ngạch: **6,6** triệu USD
Giảm **4,4%** so với T3/2026
Tăng **86,9%** so với T4/2025



Lê

Kim ngạch: **4,7** triệu USD
Giảm **6,6%** so với T3/2026
Tăng **85,8%** so với T4/2025



Hành các loại

Kim ngạch: **3,7** triệu USD
Giảm **6,7%** so với T3/2026
Tăng **53,5%** so với T4/2025



Khoai tây

Kim ngạch: **2,0** triệu USD
Tăng **3,6%** so với T3/2026
Tăng **29,5%** so với T4/2025

Xuất khẩu rau quả vào thị trường Trung Quốc tăng trưởng mạnh trong 5 tháng đầu năm

Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam ước đạt 2,98 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm 2026, tăng 29,4% so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó, các sản phẩm xuất khẩu chính ngạch có Nghị định thư với thị trường Trung Quốc ghi nhận tốc độ xuất khẩu tăng trưởng ổn định.

Sầu riêng tươi và đông lạnh dẫn đầu toàn ngành về trị giá xuất khẩu, chiếm 14,26% tổng kim ngạch xuất khẩu rau quả. Trung Quốc vẫn là khách hàng lớn nhất mua rau quả Việt Nam, chiếm 49,5% kim ngạch xuất khẩu toàn ngành này của nước ta trong 4 tháng đầu năm nay.

Từ 1/6/2026, Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) đã chính thức áp dụng Lệnh 280 với các yêu cầu mới về hồ sơ pháp lý đối với 2.589 sản phẩm, thuộc 20 nhóm ngành nông nghiệp (gồm toàn bộ trái cây, rau tươi, gia vị như ớt, tiêu, quế...). Theo đó, hàng hóa muốn thông quan bắt buộc phải có thư xác nhận và mã số đăng ký doanh nghiệp nước ngoài khớp chính xác trên tờ khai hải quan.

Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), Trung Quốc vẫn là thị trường rau quả nhiều tiềm năng đến cuối năm 2026, nhưng yêu cầu ngày càng khắt khe hơn. Vì vậy, xuất khẩu rau quả của Việt Nam sẽ phụ thuộc vào khả năng đáp ứng tiêu chuẩn GAP, kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, minh bạch đóng gói và tuân thủ quy định kiểm dịch.

Nguồn: Vietnamnet.vn



Tin liên quan

Giá gừng tại Trung Quốc trong tháng 5 giảm 40% so với cùng kỳ năm trước

Giá gừng Trung Quốc tháng 5/2026 giảm hơn 40% so với cùng kỳ, xuống mức thấp nhất 5 năm, bình quân khoảng 4,4–5,6 CNY/kg (0,65–0,83 USD/kg). Nguyên nhân chính khiến giá gừng lao dốc là nguồn cung dư thừa sau giai đoạn giá cao khiến diện tích trồng tăng mạnh, cộng với tồn kho khoảng 3 triệu tấn dẫn đến tình trạng dư cung. Trong khi đó, nhu cầu nội địa thấp, xuất khẩu gặp khó do tiêu chuẩn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cao hơn và cạnh tranh quốc tế gia tăng.

Dự báo năm 2026, giá gừng Trung Quốc dao động khoảng 3,6–7,6 CNY/kg (0,53–1,12 USD/kg), bình quân khoảng 4,96 CNY/kg (0,73 USD/kg). Trong ngắn hạn, giá vẫn ở mức thấp do áp lực xả kho, nhưng có thể phục hồi nhẹ từ tháng 6–7 khi tồn kho giảm và nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại.

Nguồn: Guojiguoshu.com



Tin liên quan

Ngành việt quất của Trung Quốc phát triển theo chiến lược kép

Ngành việt quất Trung Quốc đang tăng trưởng nhanh theo hướng vừa mở rộng sản xuất trong nước, vừa tham gia mạnh hơn vào thương mại quốc tế. Giai đoạn 2020–2025, diện tích trồng tăng từ khoảng 66.400 ha lên 105.333 ha, sản lượng tăng từ 347.200 tấn lên 810.000 tấn, giúp nguồn cung dồi dào hơn và giá bán giảm.

Trung Quốc cũng xây dựng các vùng sản xuất để duy trì cung ứng gần như quanh năm, với Vân Nam cung cấp vụ đông – xuân, còn Sơn Đông, Liêu Ninh và các vùng khác đảm nhiệm vụ hè – thu. Dù sản xuất trong nước tăng mạnh, Trung Quốc vẫn nhập khẩu việt quất, chủ yếu từ Peru, để bổ sung nguồn cung trái vụ.

Đồng thời, xuất khẩu việt quất của Trung Quốc tăng nhanh, từ 177,9 tấn năm 2022 lên 2.592,29 tấn năm 2024, chủ yếu sang các thị trường châu Á và lân cận. Điều này cho thấy ngành việt quất Trung Quốc đang chuyển sang giai đoạn nâng cao chất lượng, phát triển chế biến, chuỗi lạnh và mở rộng vị thế quốc tế.

Nguồn: Freshplaza.com

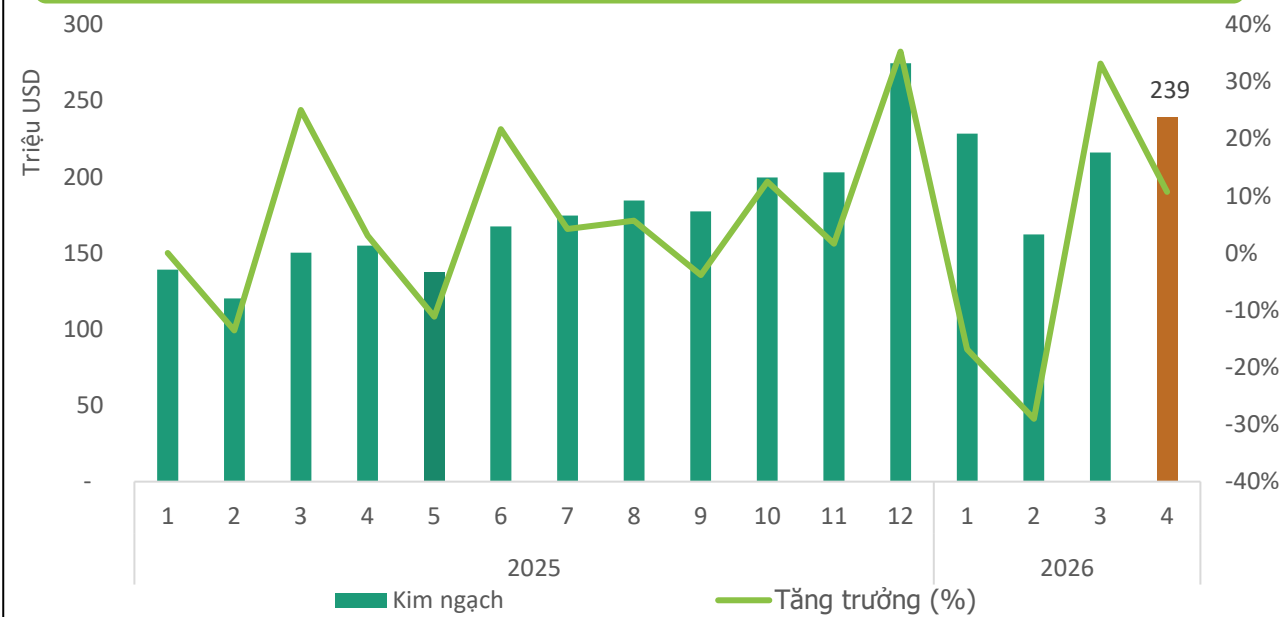


Tin liên quan



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T4/2026

KIM NGẠCH



239

triệu USD

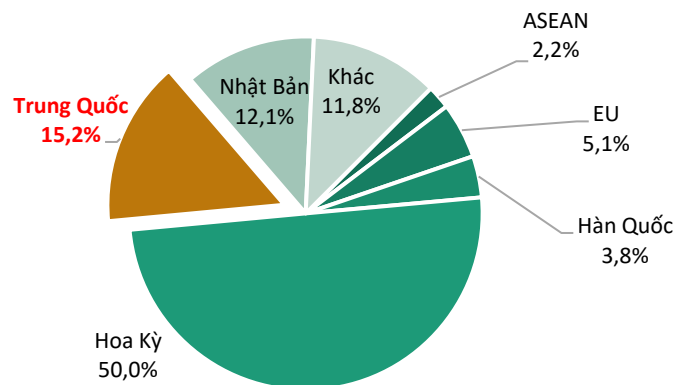
➔ Tăng **10,7%** so với T3/2026

➔ Tăng **54,3%** so với T4/2025

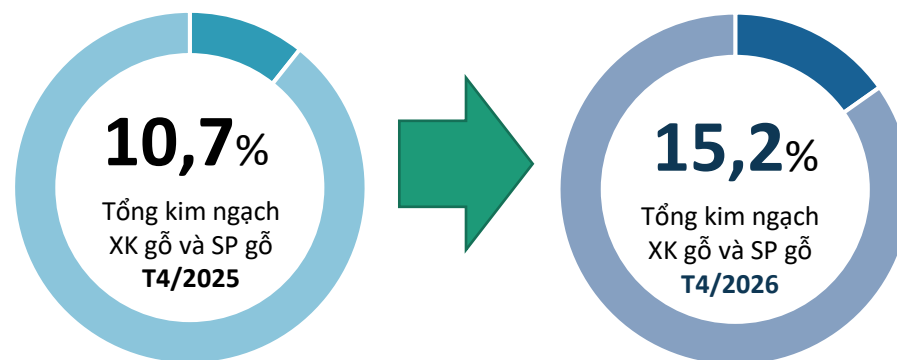
⬆ Cao hơn **65,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026 đạt **845,7** triệu USD, đạt **40,6%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



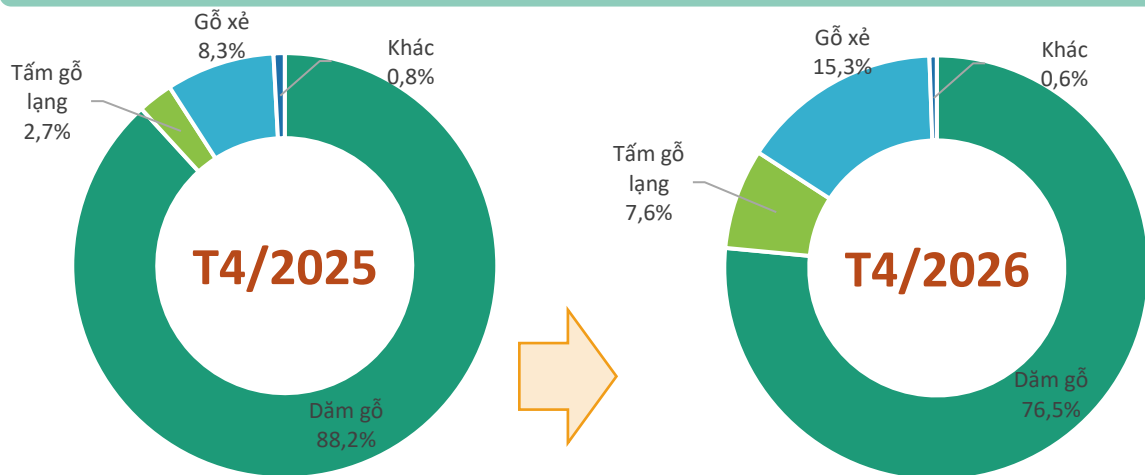
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



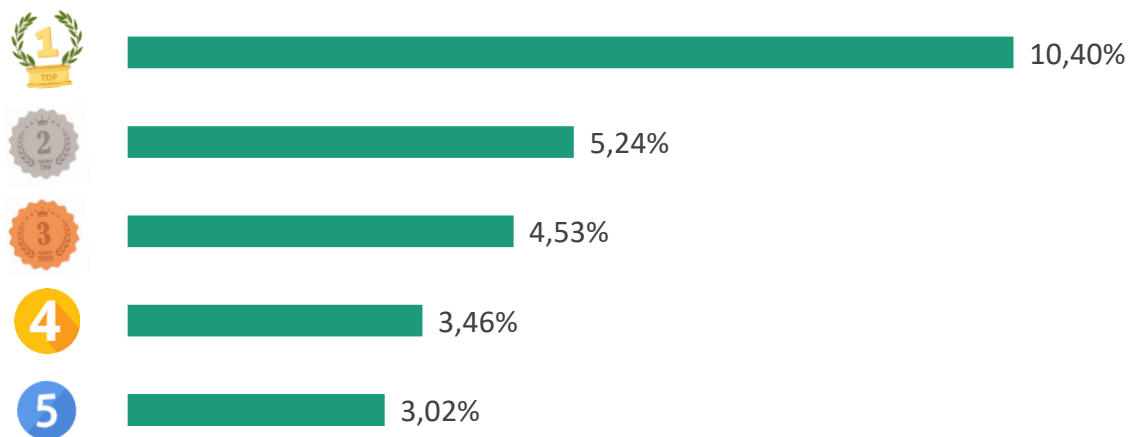


GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Dăm gỗ

Kim ngạch: **180,5** triệu USD
Tăng **14%** so với T3/2026
Tăng **35%** so với T4/2025



Gỗ xẻ

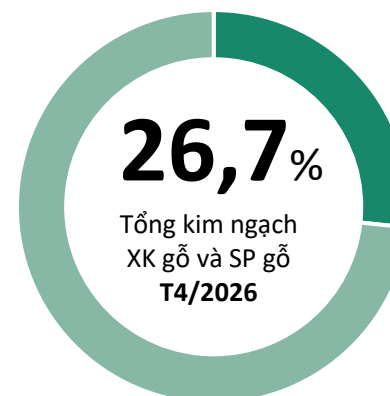
Kim ngạch: **36,1** triệu USD
Giảm **16%** so với T3/2026
Tăng **188%** so với T4/2025



Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **18,0** triệu USD
Tăng **89%** so với T3/2026
Tăng **3,5** lần so với T4/2025

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T4/2026





GỖ VÀ SP GỖ



Tin liên quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

Trong tháng 4/2026, tổng khối lượng nhập khẩu gỗ của Trung Quốc đạt 4,865 triệu mét khối, tăng 4,0% so với tháng trước nhưng giảm 6,8% so với cùng kỳ năm trước; kim ngạch đạt 1,06 tỷ USD, tăng 6,3% so với tháng trước và tăng nhẹ 1,1% so với cùng kỳ. Phân khúc gỗ tròn nhập khẩu đạt 2,98 triệu mét khối, tăng 7,9% so với tháng trước và tăng nhẹ 1,7% so với cùng kỳ, đạt kim ngạch khoảng 500 triệu USD. Trong khi đó, nhập khẩu gỗ xẻ đạt 1,885 triệu mét khối, giảm 1,7% so với tháng trước và giảm 17,8% so với cùng kỳ, kim ngạch đạt 570 triệu USD. Lũy kế 4 tháng đầu năm, Trung Quốc nhập khẩu tổng cộng 17,046 triệu mét khối gỗ (giảm 10,9% so với cùng kỳ), đạt kim ngạch khoảng 3,65 tỷ USD (giảm 6,6%).

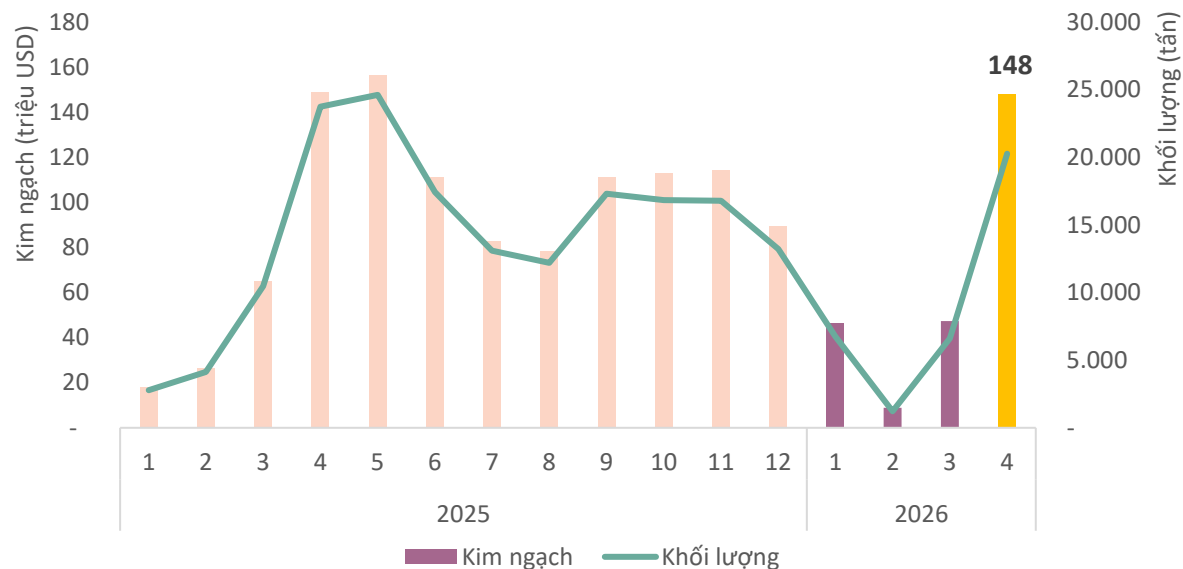
New Zealand và Nga vẫn tiếp tục là các nhà cung cấp chính; nhưng lượng nhập khẩu từ Nga giảm mạnh 32,5% xuống còn 884.000 mét khối. Nhập khẩu gỗ tròn từ Hoa Kỳ tăng 78%, đạt 106.000 mét khối sau khi nới lỏng các hạn chế. Nhập khẩu gỗ mềm (coniferous) giảm 12,5% xuống còn 3,171 triệu mét khối, tuy nhiên nhập khẩu các loại gỗ cứng như gỗ tròn okoume lại tăng gấp ba lần và gỗ tròn bạch đàn tăng gần tăng gấp đôi.

Về xuất khẩu, tăng trưởng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Trung Quốc đạt mức 5,8% trong tháng 4/2026, riêng nhóm hàng ván ép tăng nhẹ 2,3% so với cùng kỳ năm trước.

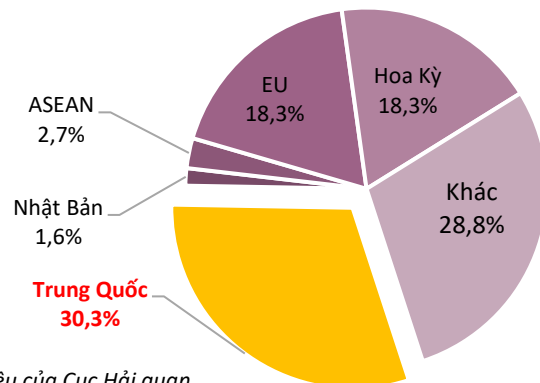


HẠT ĐIỀU

Khối lượng và giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Tỷ trọng giá trị hạt điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T4/2026

KIM NGẠCH

148 triệu USD

↗ Tăng **213%** so với T3/2026

↘ Giảm **0,76%** so với T4/2025

↑ Cao hơn **55,1 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 04 tháng đầu năm 2026 đạt **250 tỷ USD**, đạt **22,5%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

20,3 nghìn tấn

↗ Tăng **207%** so với T3/2026

↘ Giảm **14,6%** so với T4/2025

↑ Cao hơn **5,9 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 04 tháng đầu năm 2026 đạt **34,9 nghìn tấn**, đạt **20,2%** khối lượng năm 2025

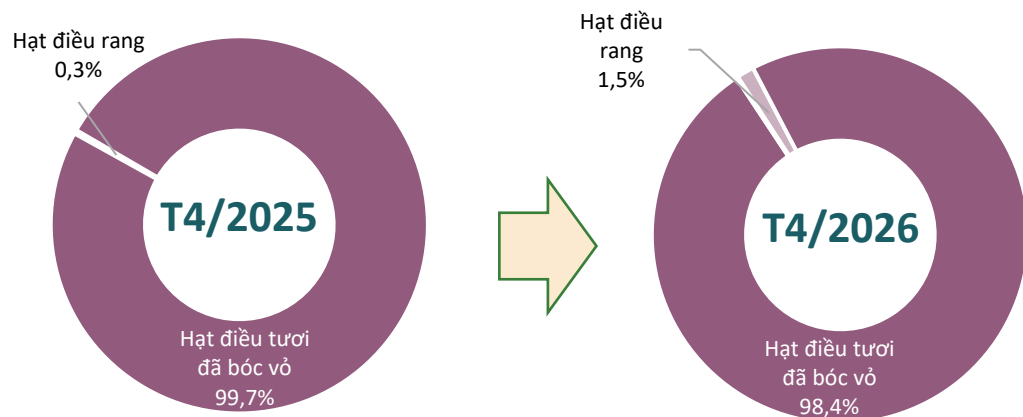
Biến động tỷ trọng giá trị hạt điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



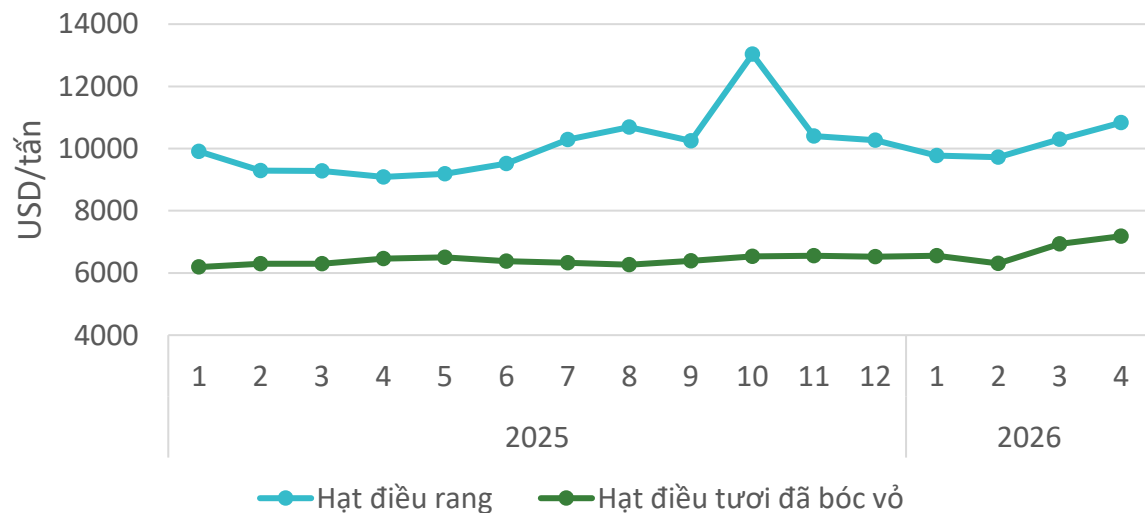


HẠT ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Giá hạt điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Hải quan

Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **145,6** triệu USD

Tăng **222%** so với T3/2026

Giảm **2,1%** so với T4/2025



Hạt điều rang

Kim ngạch: **2,2** triệu USD

Tăng **1,0%** so với T3/2026

Tăng **353%** so với T4/2025

Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **6.935** USD/tấn; **tăng 10,0%** so với tháng trước; và **tăng 10,1%** so với cùng kỳ năm 2025.

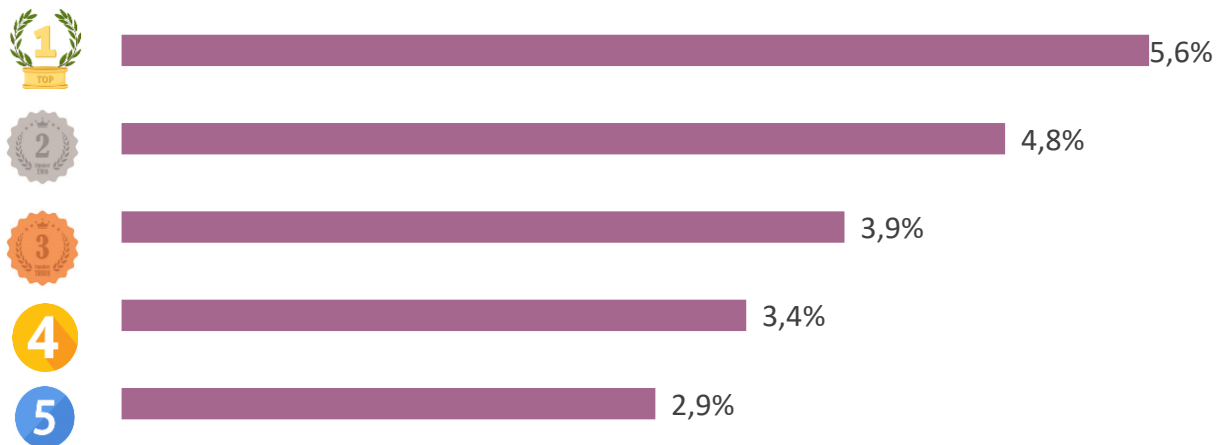
Hạt điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **10.297** USD/tấn; **tăng 5,9%** so với tháng trước; và **tăng 11,0%** so với cùng kỳ năm 2025.

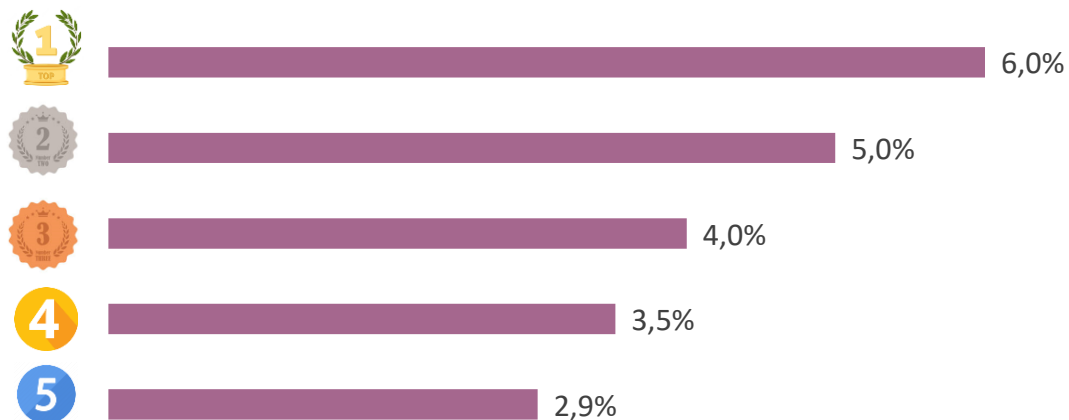


HẠT ĐIỀU

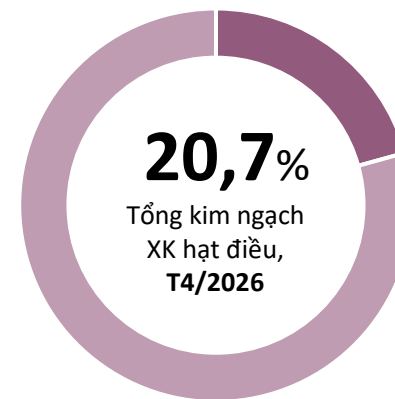
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



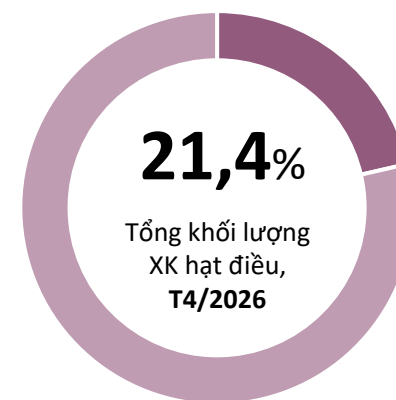
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026





Campuchia thúc đẩy chế biến điều trong nước, mở dự án hợp tác với nhà đầu tư Trung Quốc

Ngày 27/5/2026, Thủ tướng Campuchia Hun Manet cho biết Chính phủ đang thí điểm xây dựng khu công nghiệp chế biến điều tại tỉnh Kampong Thom, với các chính sách ưu đãi thuế, cấp đất miễn phí và giảm chi phí thuê đất cho nhà đầu tư. Mục tiêu là hình thành cụm chế biến ngay tại vùng nguyên liệu, tạo thị trường ổn định cho nông dân, nâng giá trị gia tăng và giảm phụ thuộc vào xuất khẩu điều thô qua biên giới.

Campuchia cũng định hướng thu hút thêm nhà đầu tư nước ngoài vào chế biến sâu, qua đó xuất khẩu trực tiếp sản phẩm điều đã qua chế biến sang các thị trường quốc tế.

Nguồn: freshnews.com.kh





LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2026

KIM NGẠCH

114,2 triệu USD

➤ Tăng **44,6%** so với T3/2026

➤ Tăng **70,5%** so với T4/2025

➤ Cao hơn **83,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026 đạt **281,2** triệu USD, đạt **75,3%** kim ngạch 2025

KHỐI LƯỢNG

228,7 nghìn tấn

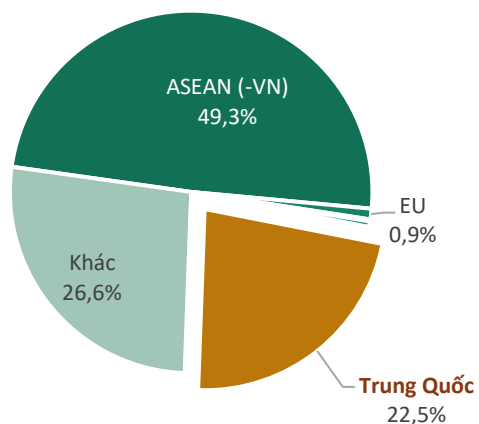
➤ Tăng **46,3%** so với T3/2026

➤ Tăng **70,6%** so với T4/2025

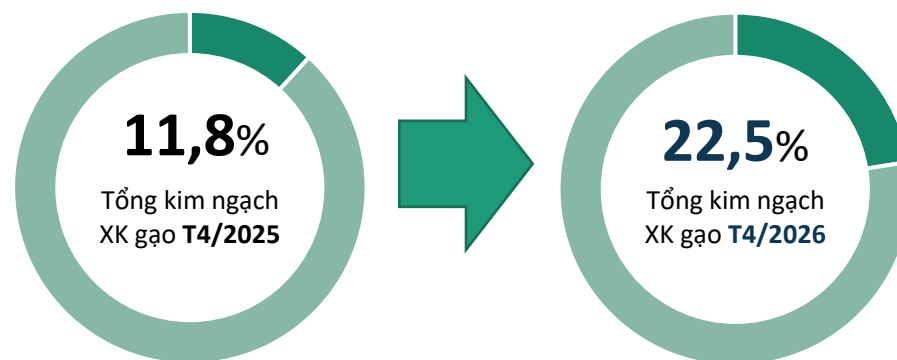
➤ Cao hơn **166,5 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026 đạt **563,2** nghìn tấn, đạt **75,4%** lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



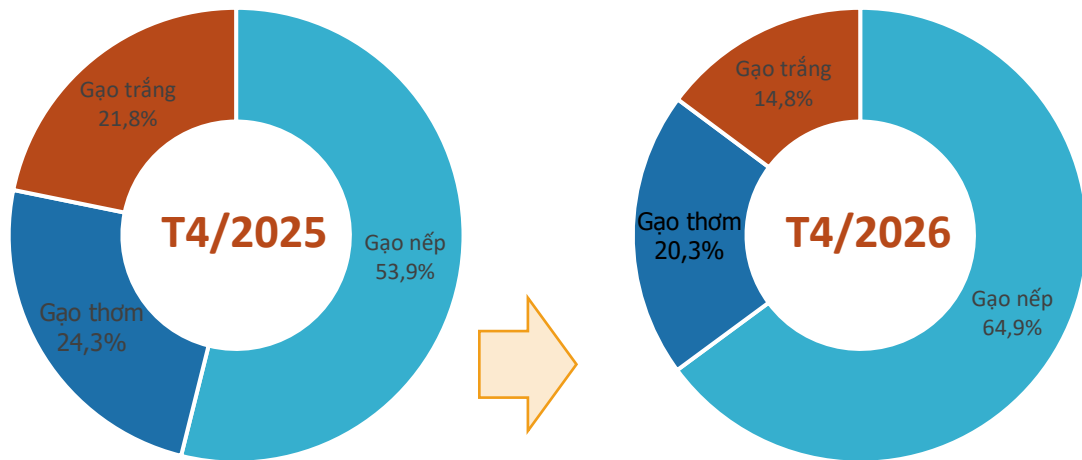
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



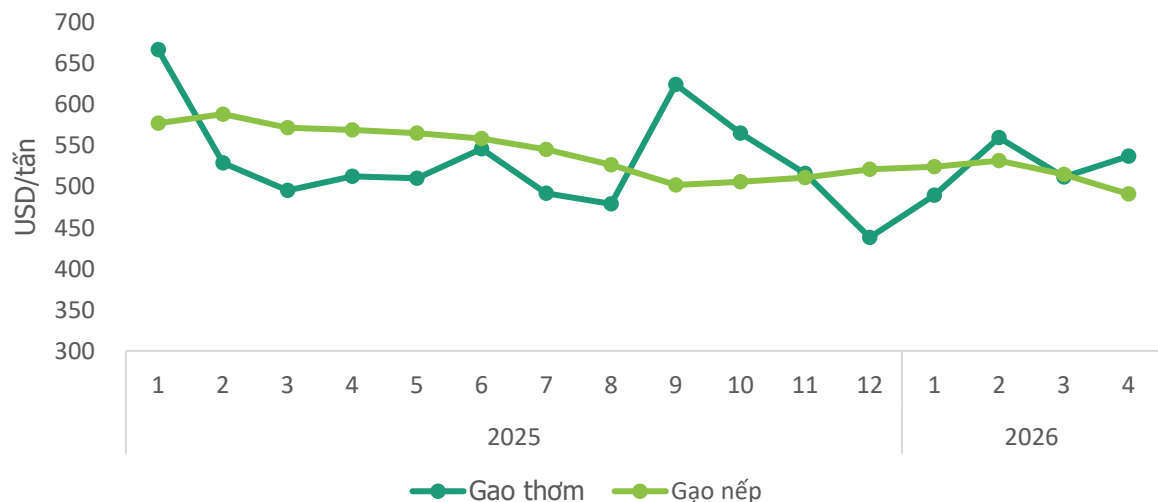


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Gạo nếp

Kim ngạch: **73,5** triệu USD

Tăng **1%** so với T3/2026

Tăng **103%** so với T4/2025



Gạo thơm

Kim ngạch: **23,0** triệu USD

Giảm **47%** so với T3/2026

Tăng **41%** so với T4/2025



Gạo trắng

Kim ngạch: **16,8** triệu USD

Giảm **58%** so với T3/2026

Tăng **15%** so với T4/2025

Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **491** USD/tấn; **giảm 5%** so với tháng trước; và **giảm 14%** so với cùng kỳ năm 2025.

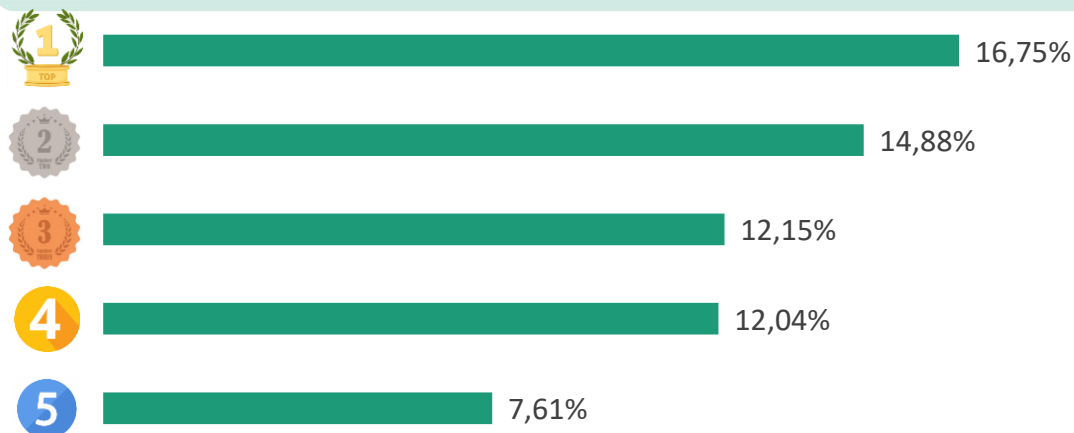
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **537** USD/tấn; **tăng 5%** so với tháng trước và **tăng 5%** so với cùng kỳ năm 2025.

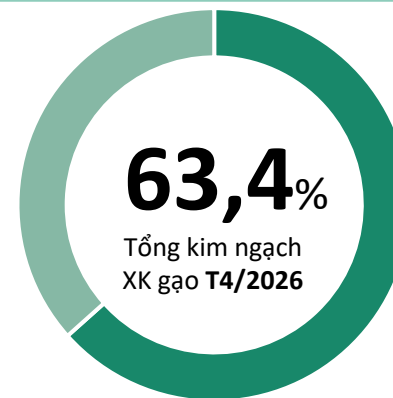


LÚA GẠO

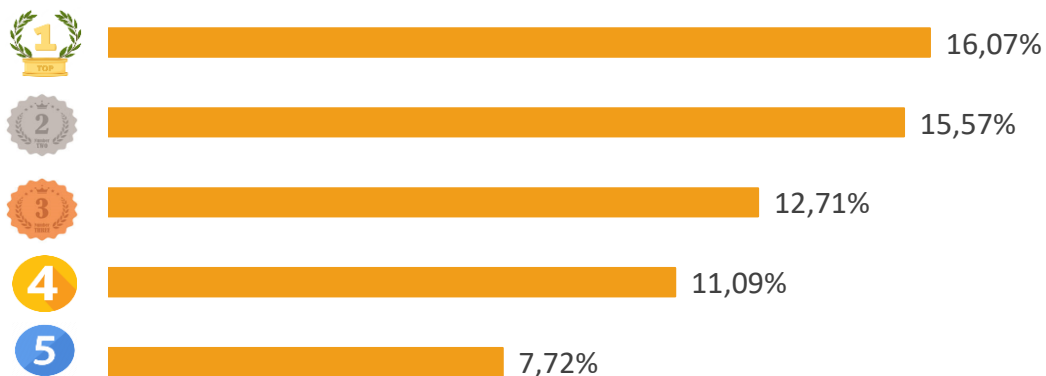
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



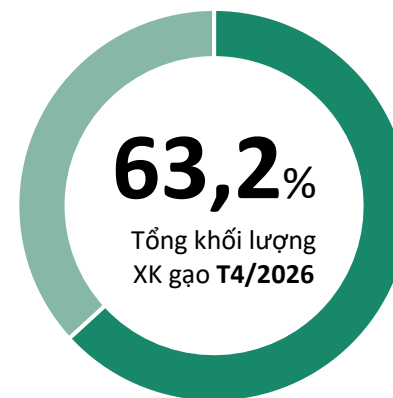
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026





LÚA GẠO



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC

Từ 01/06/2026, Trung Quốc sẽ áp dụng Lệnh 280 về quản lý đăng ký doanh nghiệp sản xuất thực phẩm nước ngoài xuất khẩu vào thị trường này, qua đó siết chặt hơn yêu cầu đối với mặt hàng gạo.

Theo thông tin từ Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dẫn quy định của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC), gạo được tách thành nhóm riêng thay vì xếp chung trong nhóm ngũ cốc, đồng thời bị xếp vào diện có cảnh báo rủi ro cao hơn về sâu hại, an toàn thực phẩm, dư lượng kim loại nặng như cadmium và nguy cơ gạo biến đổi gen.

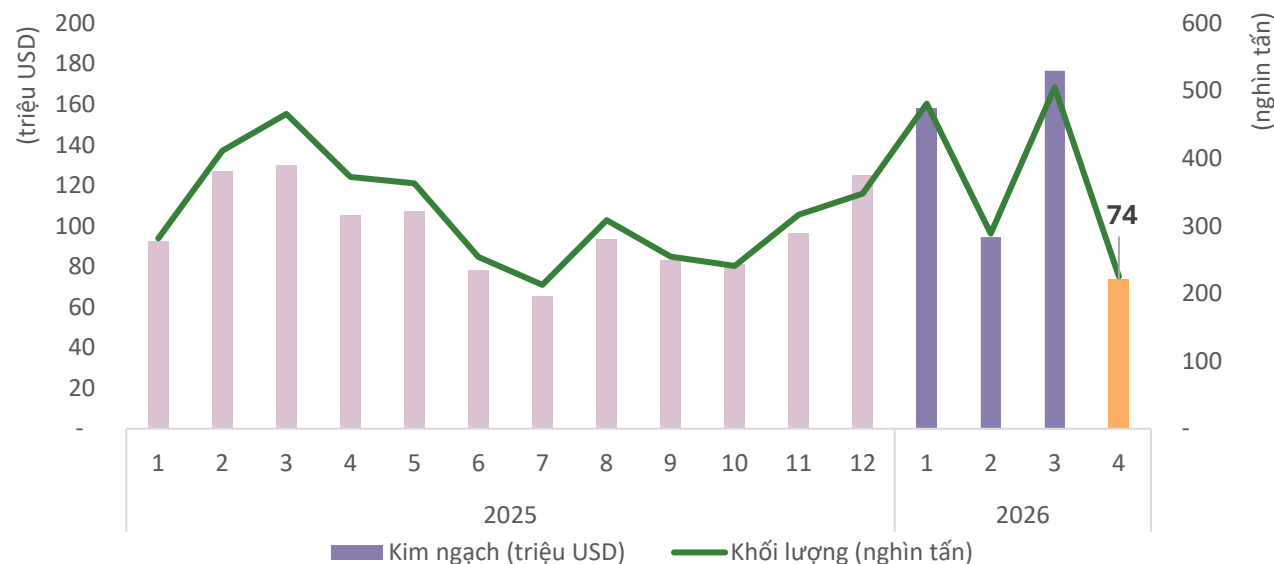
Điểm đáng chú ý là ngay cả những sai khác nhỏ trong hồ sơ, mã doanh nghiệp hoặc khai báo cũng có thể khiến lô hàng bị từ chối thông quan hoặc bị đình chỉ mã xuất khẩu.





SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2026

KIM NGẠCH

73,8 triệu USD

↘ Giảm **58,2%** so với T3/2026

↘ Giảm **29,8%** so với T4/2025

↓ Thấp hơn **24 triệu USD** so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 04 tháng đầu năm 2026 đạt **503 triệu USD**, đạt **42,9%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

225,4 nghìn tấn

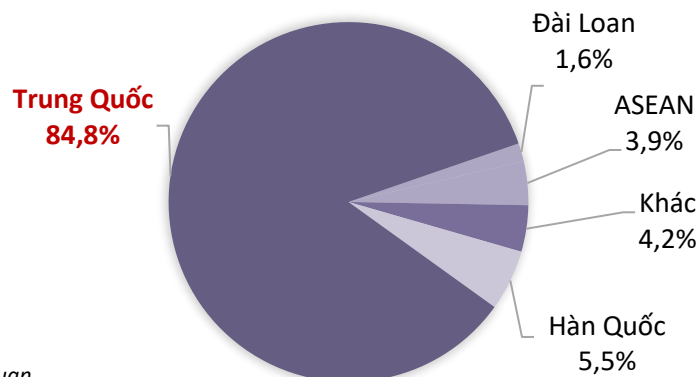
↘ Giảm **55,4%** so với T3/2026

↘ Giảm **39,5%** so với T4/2025

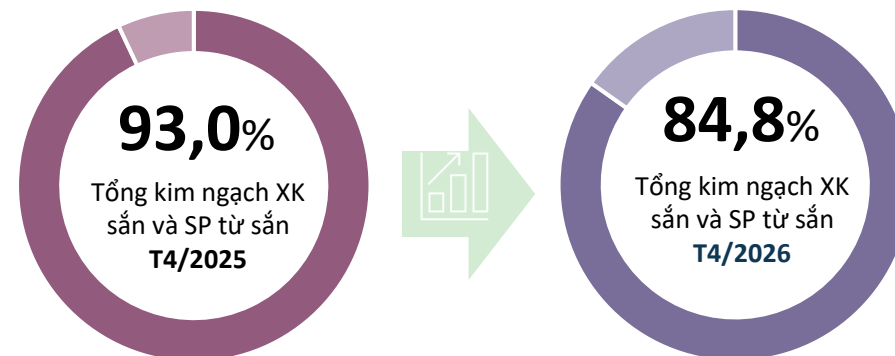
↓ Thấp hơn **88 nghìn tấn** so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 04 tháng đầu năm 2026 đạt **1,5 triệu tấn**, đạt **39,9%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



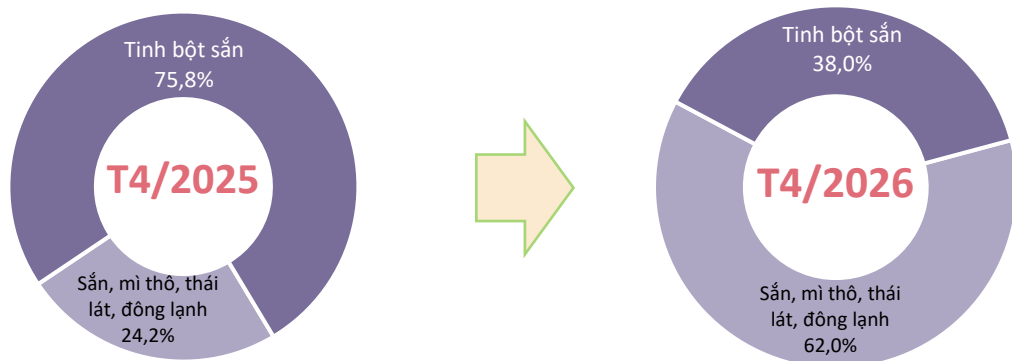
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



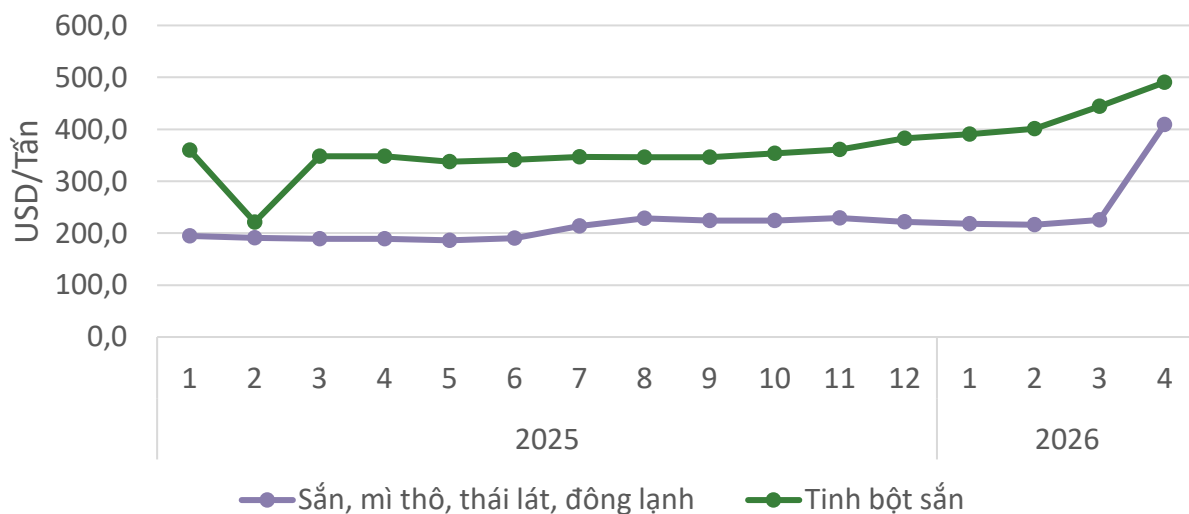


SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Cơ cấu chủng loại sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Giá sản và SP từ sản XK bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Sản thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **45,7** triệu USD

Giảm **7,5%** so với T3/2026

Tăng **79,7%** so với T4/2025



Tinh bột sắn

Kim ngạch: **28,1** triệu USD

Giảm **43,2%** so với T3/2026

Giảm **64,8%** so với T4/2025

Tinh bột sắn

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **490** USD/tấn; **tăng 10,3%** so với tháng trước; và **tăng 45,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

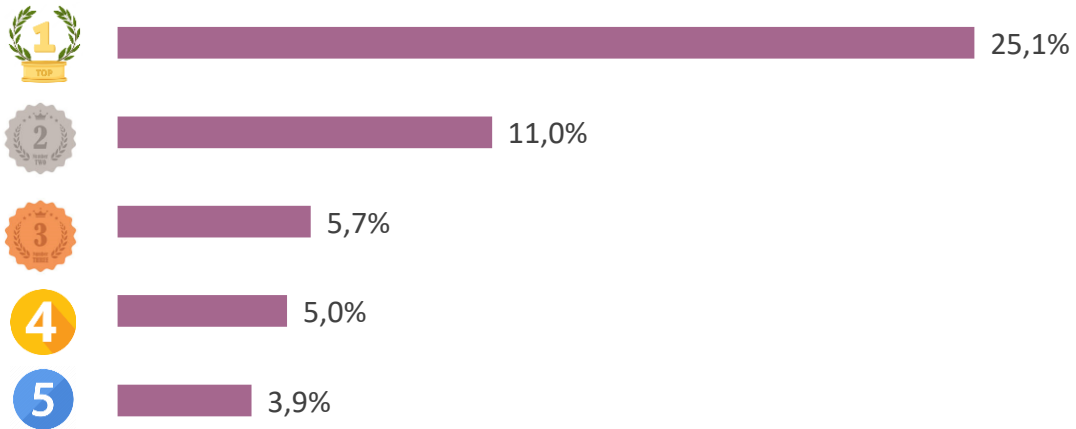
Sản thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **409** USD/tấn; **tăng 81,4%** so với tháng trước; và **tăng 120%** so với cùng kỳ năm 2025.

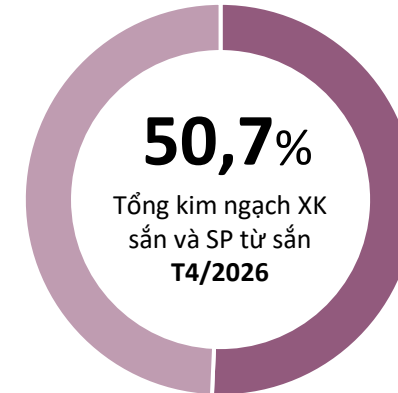


SẴN VÀ SP TỪ SẴN

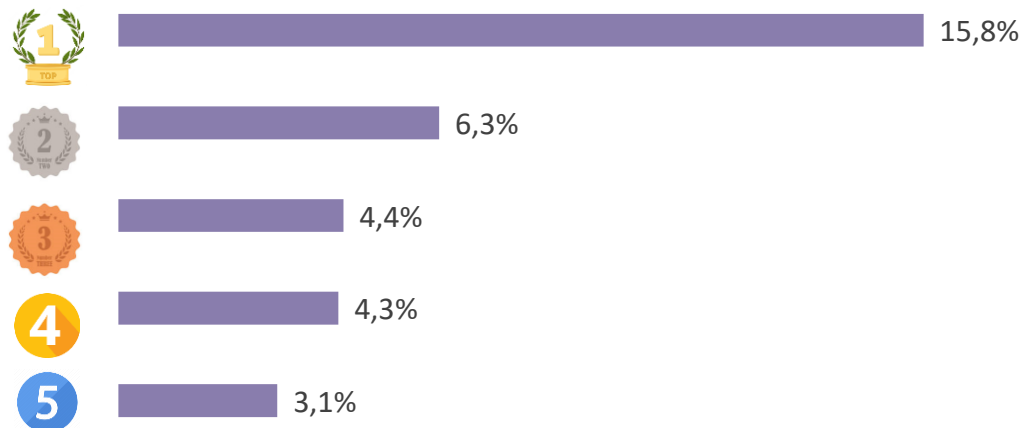
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



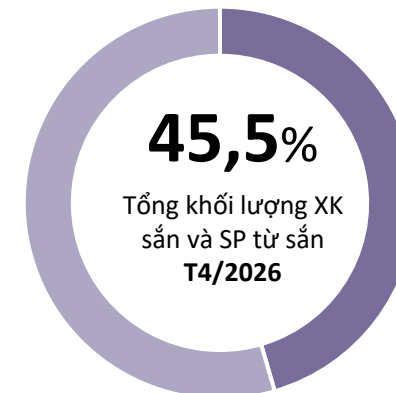
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



TOP 5 DN về khối lượng XK sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sắn và SP từ sắn sang thị trường Trung Quốc, T4/2026





Nhập khẩu sắn và sản phẩm từ sắn của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2026

Tháng 4/2026, Trung Quốc nhập khẩu 427.100 tấn tinh bột sắn, trị giá 199,05 triệu USD, giảm 8,99% về lượng nhưng tăng 17,19% về trị giá so với cùng kỳ. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2026, nhập khẩu đạt 1,852 triệu tấn, giảm 3,34%, trong khi kim ngạch tăng 9,61% lên 784,91 triệu USD. Việt Nam là nguồn cung lớn nhất, chiếm 51,58% tổng lượng nhập khẩu, tiếp theo là Thái Lan, Lào, Campuchia và Indonesia.

Đối với sắn lát khô, trong tháng 4/2026, Trung Quốc nhập khẩu 397.000 tấn, trị giá 94,62 triệu USD, giảm lần lượt 44,33% về lượng và 31,67% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Trong thời gian tới, nhu cầu tiêu thụ tinh bột sắn tại Trung Quốc dự kiến vẫn thấp do các ngành sản xuất miến, bún bước vào mùa thấp điểm, khiến nhiều nhà máy hoạt động cầm chừng. Tuy nhiên, do giá nhập khẩu tăng và lượng tồn kho tại các cảng tiếp tục giảm, giá tinh bột sắn trong ngắn hạn nhiều khả năng vẫn duy trì ở mức ổn định.



SẴN VÀ SP TỪ SẴN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẴN VÀ SP TỪ SẴN TRUNG QUỐC



Trung Quốc thử nghiệm thông quan nhanh đường sắt cho tinh bột sắn ASEAN

Ngày 04/5, một chuyến tàu chở khoảng 900 tấn tinh bột sắn từ ASEAN đã đến Cảng cạn quốc tế Trịnh Châu, Trung Quốc, sau hành trình 5 ngày từ ga Viêng Chăn, Lào. Lô hàng gồm 35 container, được đưa thẳng vào kho chuyên dụng của Trung tâm phân phối tinh bột sắn ASEAN sau khi hoàn tất thủ tục thông quan.

Việc thử nghiệm mô hình “thông quan nhanh đường sắt” giúp rút ngắn thời gian thông quan khoảng 24 giờ và giảm chi phí logistics cho mỗi container. Mô hình này được kỳ vọng hỗ trợ hình thành chuỗi phân phối tinh bột sắn khép kín tại Trịnh Châu.

Nguồn: chinanews.com.cn



Indonesia lần đầu xuất khẩu 3.300 tấn tinh bột sắn sang Trung Quốc

Tỉnh Lampung, trung tâm sản xuất sắn lớn của Indonesia, đã xuất khẩu lô hàng đầu tiên gồm 3.300 tấn tinh bột sắn sang Trung Quốc, trị giá khoảng 26 tỷ rupiah (khoảng 1,46 triệu USD). Lô hàng được xuất qua cảng Panjang tới cảng Hạ Môn, tỉnh Phúc Kiến, với khoảng 180 container. Lampung hiện chiếm khoảng 70% sản lượng tinh bột sắn của Indonesia và đang được định hướng phát triển thành trung tâm công nghiệp tinh bột sắn có sức cạnh tranh toàn cầu.

Nguồn: biroadpim.lampungprov.go.id

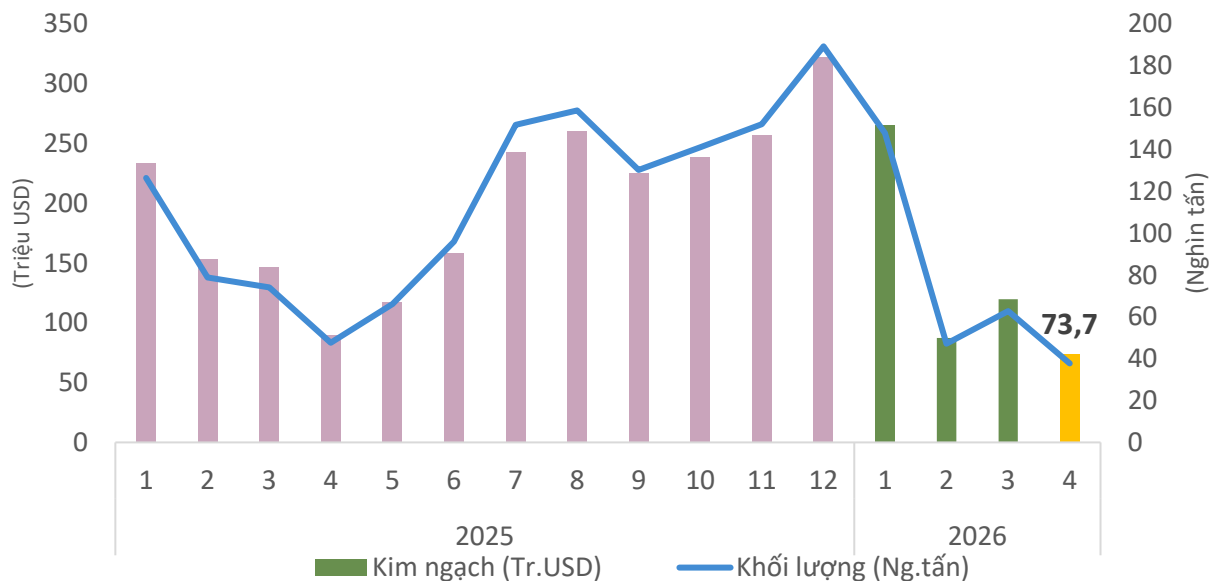


TIN LIÊN QUAN

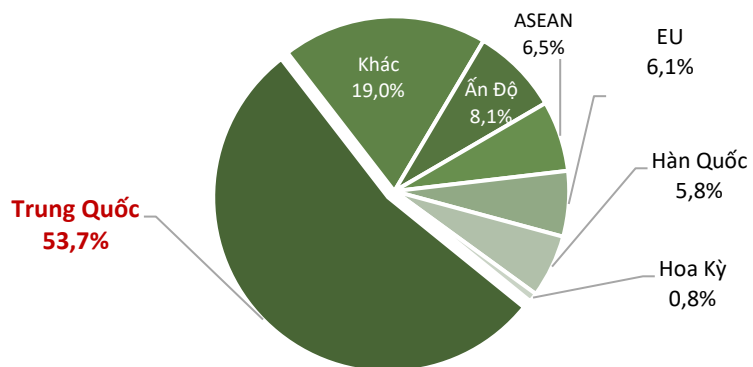


CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T4/2026

KIM NGẠCH

73,7 triệu USD

↘ Giảm **38,4%** so với T3/2026

↘ Giảm **18,3%** so với T4/2025

↓ Thấp hơn **130** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 04 tháng đầu năm 2026 đạt **545,7** triệu USD, đạt **22,3%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

37,8 nghìn tấn

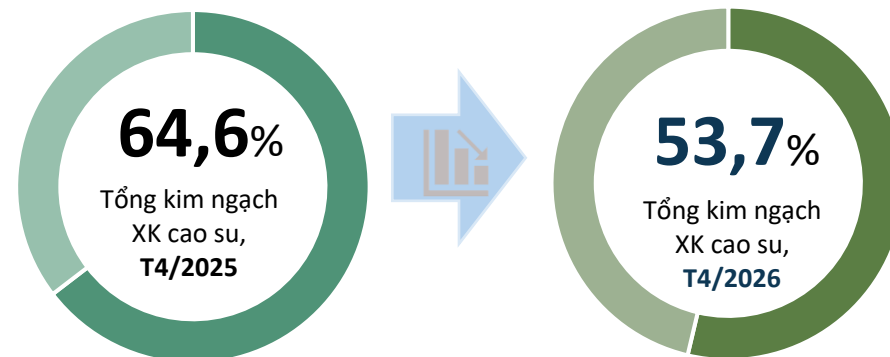
↘ Giảm **39,8%** so với T3/2026

↘ Giảm **20,7%** so với T4/2025

↓ Thấp hơn **80** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 04 tháng đầu năm 2026 đạt **295,6** nghìn tấn, đạt **20,9%** khối lượng năm 2025

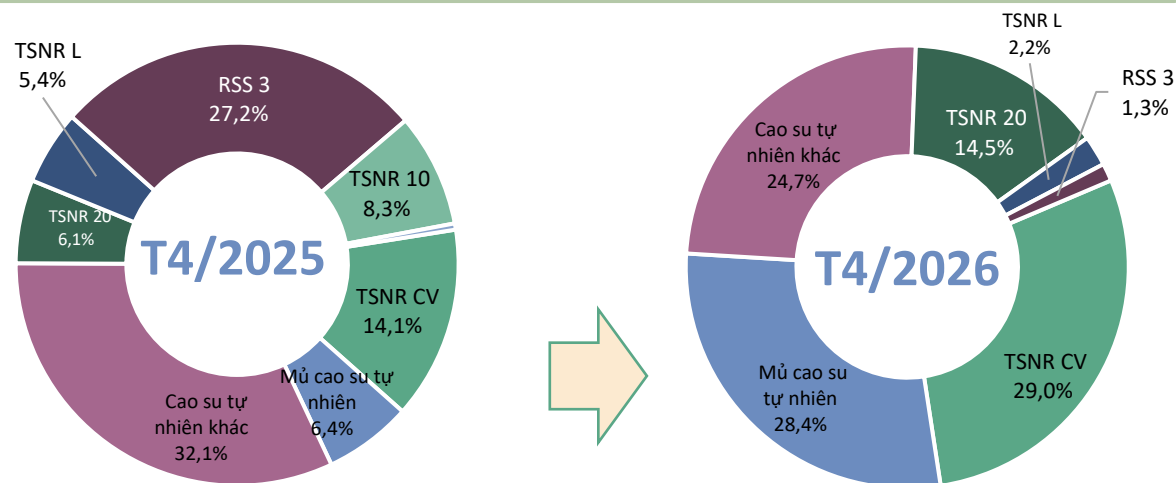
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



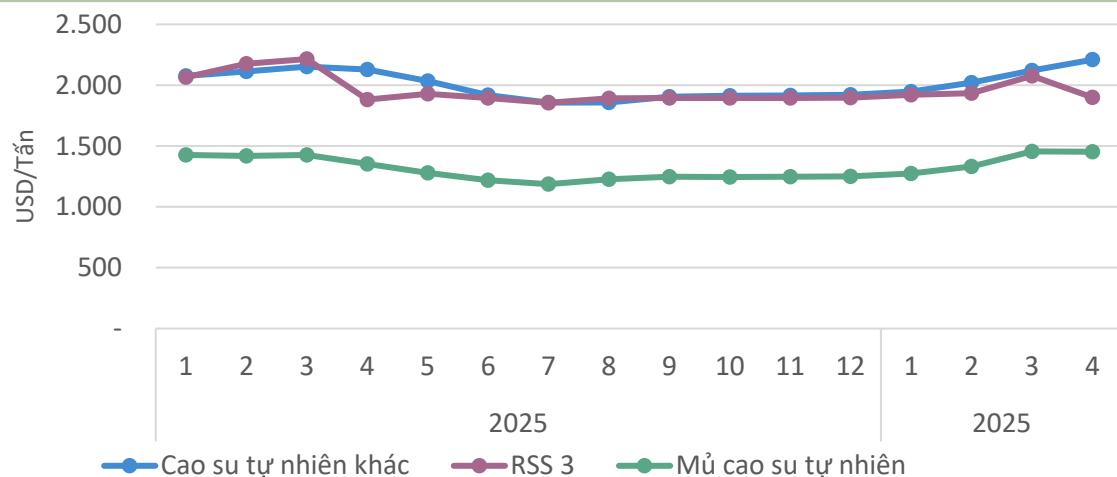


CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **20,9** triệu USD
Giảm **62,7%** so với T3/2026
Tăng **261%** so với T4/2025



RSS 3

Kim ngạch: **0,95** triệu USD
Giảm **95,1%** so với T3/2026
Giảm **96,1%** so với T4/2025



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **18,2** triệu USD
Giảm **17,7%** so với T3/2026
Giảm **37,2%** so với T4/2025

Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **1.453** USD/tấn; giảm **0,2%** so với tháng trước; và tăng **7,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **1.900** USD/tấn; giảm **8,5%** so với tháng trước; và tăng **0,9%** so với cùng kỳ năm 2025.

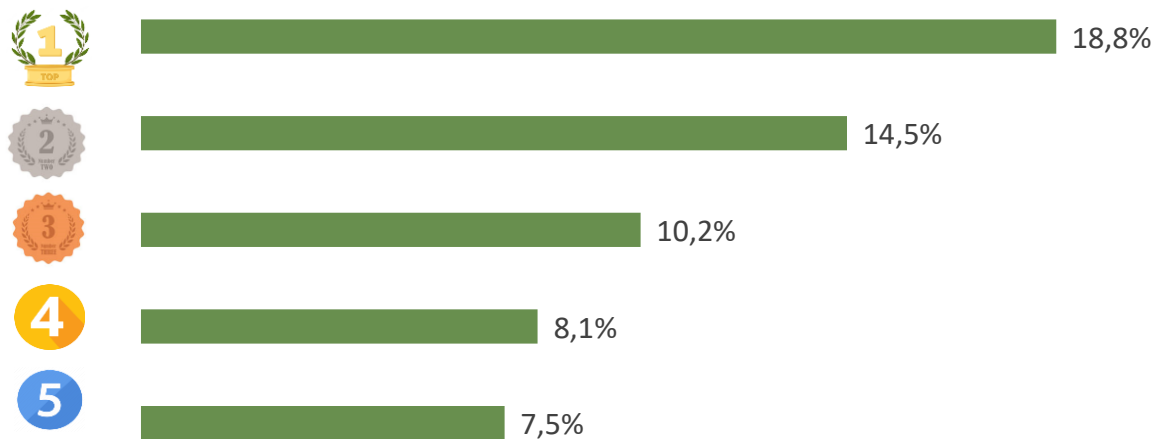
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2026 ở mức **2.209** USD/tấn; tăng **4,2%** so với tháng trước; và tăng **3,8%** so với cùng kỳ năm 2025.

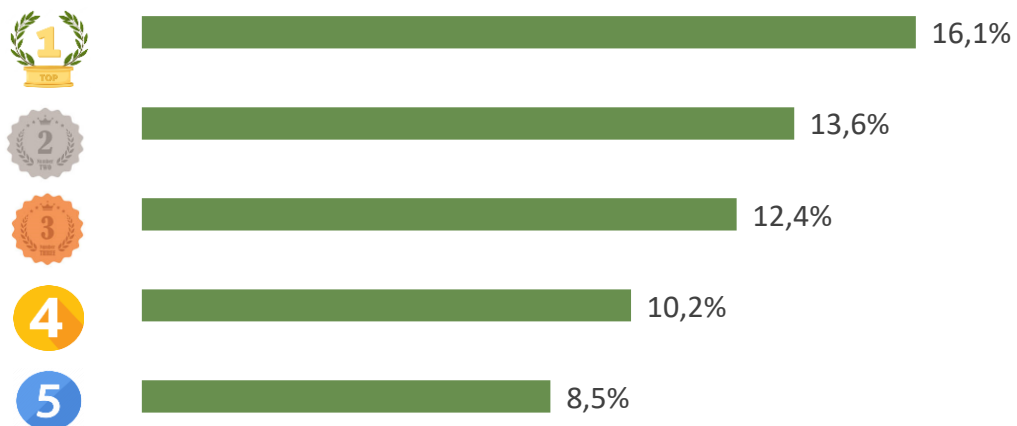


CAO SU

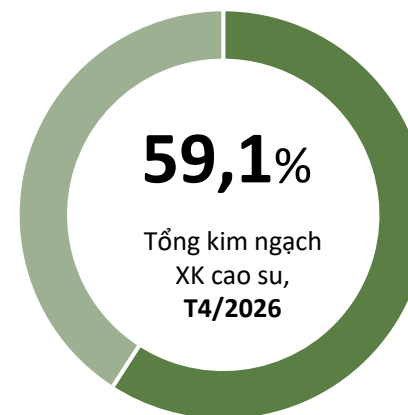
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



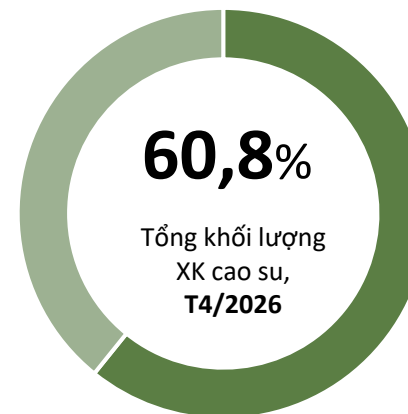
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2026





ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Nhập khẩu cao su của Trung Quốc trong tháng 4/2026 giảm

Trong tháng 4/2026, Trung Quốc nhập khẩu tổng cộng 621 nghìn tấn cao su tự nhiên và cao su tổng hợp, bao gồm cả mủ cao su, giảm 9,3% so với mức 685 nghìn tấn của cùng kỳ năm 2025. Tính chung 4 tháng đầu năm 2026, Trung Quốc nhập khẩu 2,812 triệu tấn cao su tự nhiên và cao su tổng hợp, bao gồm cả mủ cao su, giảm 2% so với mức 2,87 triệu tấn của cùng kỳ năm trước.

Nguồn: sohu.com

❖ Trung Quốc: Sản lượng và tiêu thụ cao su thiên nhiên năm 2026 dự kiến tăng

Sản lượng cao su thiên nhiên của Trung Quốc trong năm 2026 dự kiến tăng 2,9% so với cùng kỳ. Nhu cầu tiêu thụ cao su cũng sẽ tăng 1,7%. Động lực tiêu thụ chủ yếu đến từ sản lượng xe điện tại Trung Quốc tiếp tục tăng, cùng với sự phục hồi của ngành sản xuất các sản phẩm cao su.

Nguồn: anrpc.org





CAO SU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Trung Quốc phát triển mô hình cao su nông lâm kết hợp

Nhóm nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu Cao su, Viện Khoa học Nông nghiệp Nhiệt đới Trung Quốc, đã triển khai mô hình trồng xen cao su với cây dược liệu ích trí. Mô hình hiện được triển khai tại 13 thành phố, huyện với diện tích hơn 310.000 mẫu. So với trồng cao su độc canh, mô hình này giúp giảm sử dụng thuốc diệt cỏ, cải thiện độ phì và khả năng giữ nước của đất, đồng thời tăng lượng carbon tích trữ. Mỗi năm, mô hình có thể giảm 23 tấn thuốc diệt cỏ, tăng thêm 31.800 tấn carbon trong đất, tương đương giảm phát thải 117.000 tấn CO₂.

Đây được xem là hướng phát triển nông lâm kết hợp phù hợp với vùng nhiệt đới, góp phần tăng thu nhập cho nông dân và thúc đẩy chuyển đổi xanh trong nông nghiệp.

Nguồn: catasrri.cn



Tin liên quan



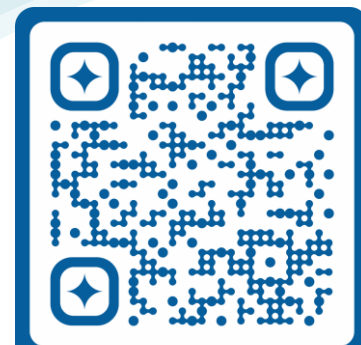
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 16 Thụy Khuê, P. Tây Hồ, Hà Nội

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo